

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Thùy Dung
Giảng viên hướng dẫn: CN. TTr viên cấp II Dương Văn Biên

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
VÀ VẬN TẢI HOA DƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Thùy Dung
Giảng viên hướng dẫn: CN. TTr viên cấp II Dương Văn Biên**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Thùy Dung

Mã SV:120609

Lớp: QT 1201K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: “ Hoàn thiện công tác kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương”

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp
 - Khảo sát và đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập
 - Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2011

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương

Địa chỉ: Thông Cách Thượng - xã Nam Sơn - huyện An Dương - Hải Phòng

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: *Dương Văn Biên*

Học hàm, học vị: *CN. TTr viên cấp II*

Cơ quan công tác: *Thanh tra thành phố Hải Phòng*

Nội dung hướng dẫn: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương*

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính.
- 2) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - NXB tài chính.
- 3) Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán do Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.
- 4) Một số diễn đàn kế toán : diendanketuan.com, danketuan.com,...
- 5) Khóa luận của các anh, chị khóa trước.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.1 Tổng quan về doanh thu.....	3
1.1.2 Các khoản làm giảm doanh thu.....	5
1.1.3 Tổng quan về chi phí.....	7
1.1.4 Tổng quan về kết quả kinh doanh.....	8
1.2 Các phương thức tiêu thụ hàng hóa chủ yếu trong các Doanh nghiệp thương mại.	9
1.2.1 Phương thức tiêu thụ hàng trực tiếp:.....	9
1.2.2 Phương thức tiêu thụ hàng gián tiếp(gửi bán qua đại lý).....	10
1.2.3 Phương thức trả chậm, trả góp.....	11
1.2.4 Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.	12
1.2.5 Phương thức hàng đổi hàng.....	12
1.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	13
1.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	13
1.3.3 Kế toán giá vốn hàng bán.....	18
1.3.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	24
1.3.5 Kế toán hoạt động tài chính.	28
1.3.6 Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.	31
1.5 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp. ...	38
1.5.1 Hình thức kế toán Nhật Ký Chung.....	38
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật Ký –Sổ Cái.....	38
1.5.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.....	38
1.5.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	39
1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THUCHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI HOA DƯƠNG 41

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương. .. 41

2.1.1 Quá trình hình thành của Công ty TNHH TM& VT Hoa Dương. 41

2.1.2 Quá trình phát triển của công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương. 42

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương. 43

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty..... 46

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương..... 50

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

50

2.2.2 Giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương. .. 60

2.2.3 Hoạt động tài chính. 66

2.2.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp..... 73

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác. 81

2.2.6 Xác định kết quả kinh doanh..... 81

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & VT HOA DƯƠNG..... 88

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 88

3.2 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu. 88

3.3 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 89

3.4 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & VT Hoa Dương..... 90

3.1.1 Ưu điểm..... 90

3.1.2 Những tồn tại của công ty. 92

3.5: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 92

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1. 1: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp.....	10
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán tại đơn vị giao đại lý.....	11
Sơ đồ 1.3: Kế toán tại đơn vị nhận đại lý.....	111
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ mô tả hình thức bán hàng trả chậm, trả góp.....	112
Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.....	13
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh thu bán hàng nội bộ.....	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	18
Sơ đồ 1.8: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	23
Sơ đồ 1.9: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	24
Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.....	
27Error! Bookmark not defined.	
Sơ đồ 1.11: Kế toán hoạt động tài chính.....	30
Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác.....	32
Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	
36Error! Bookmark not defined.	
Sơ đồ 1.14 : Sơ đồ kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	37
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty.....	
Error! Bookmark not defined.	
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại và Vận tải Hoa Dương.....	46
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.....	49
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.....	52
Biểu số 2.1: TRÍCH HỢP ĐỒNG KINH TẾ.....	54
Biểu số 2.2: HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG.....	55
Biểu số 2.3: GIẤY BÁO CÁO.....	56
Biểu số 2.4: NHẬT KÝ CHUNG.....	57
Biểu số 2.5: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511.....	58

Biểu số 2.6: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 112.....	
59Error! Bookmark not defined.	
Biểu số 2.7: PHIẾU XUẤT KHO.....	62
Biểu số 2.8: SỔ NHẬT KÝ CHUNG.....	63
Biểu số 2.9: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 156.....	64
Biểu số 2.10: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632.....	65
Error! Bookmark not defined.	
Biểu số 2.11: GIẤY BÁO CÓ.....	
68Error! Bookmark not defined.	
Biểu số 2.12: GIẤY BÁO NỢ.....	69
Biểu số 2.13: SỔ NHẬT KÝ CHUNG.....	Error! Bookmark not defined.0
Biểu số 2.14: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515.....	71
Biểu số 2.15: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635.....	72
Biểu số 2.16: BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ.....	75
Biểu số 2.17: HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỆN THÔNG.....	76
Biểu 2.18: PHIẾU CHI.....	77
Biểu 2.19: SỔ NHẬT KÝ CHUNG.....	78
Biểu số 2.20: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 641.....	79
Biểu số 2.21: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642.....	80
Biểu số 2.22: SỔ NHẬT KÝ CHUNG.....	84
Biểu số 2.23: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911.....	85
Biểu số 2.24: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 421.....	Error! Bookmark not defined.6
Biểu số 2.25: SỔ CÁI TÀI KHOẢN 821.....	87

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) - Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính.
- 2) Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) - Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán – NXB tài chính.
- 3) Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán do Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.
- 4) Một số diễn đàn kế toán : diendanketoan.com, danketoan.com,...
- 5) Khóa luận của các anh, chị khóa trước.

LỜI MỞ ĐẦU**➤ Tính cấp thiết của đề tài**

Ngày nay, cùng với sự phát triển như vũ bão của nền kinh tế thế giới, nền kinh tế nước ta cũng có những bước phát triển mạnh mẽ hội nhập với khu vực và quốc tế. Với chính sách mở cửa nền kinh tế, Đảng và nhà nước ta đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển không ngừng phát triển cả về chất và lượng. . Đây là một cơ hội tốt để các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển tạo cho nền kinh tế sự đa dạng về hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh. Và đây cũng là một thách thức đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lí, tăng cường cơ sở vật chất kĩ thuật , áp dụng các hệ thống quản lí mới, sử dụng một cách tốt nhất, hiệu quả nhất và tiềm năng về sức người để tạo ra càng nhiều sản phẩm hàng hóa,dịch vụ với chất lượng cao, tạo ra được nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp và tăng tích lũy cho nhà nước. Mặt khác, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có những đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là thấp nhất. Do đó công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp là rất quan trọng. Trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời sẽ cung cấp cho các nhà quản lý những thông tin chính xác, kịp thời về kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở các doanh nghiệp hiện nay vẫn còn bất cập. Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty còn một số vấn đề chưa hoàn thiện. Xuất phát từ sự cần thiết cả về lý luận và thực tiễn nêu trên, với sự giúp đỡ của các cán bộ, nhân viên phòng kế toán của công ty và sự hướng dẫn của CN.TTr Dương Văn Biên em đã chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương” làm khóa luận.

➤ Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Hệ thống hóa những kiến thức chính nhất về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.
- Nắm bắt được thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương.
- Trên cơ sở đó đưa ra các biện pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương.

➤ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Khóa luận trình bày kết quả nghiên cứu về đối tượng nêu trên trong phạm vi một Doanh nghiệp cụ thể đó là Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương.

➤ Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

- Đề tài góp phần làm rõ, cụ thể hơn lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp thương mại.
- Áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài để nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & VT Hoa Dương. Kết quả này còn có thể được áp dụng trong các doanh nghiệp có đặc điểm tương tự với đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

➤ Kết cấu của khóa luận

Ngoài phần mở đầu và kết luận. nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và vận tải Hoa Dương.

CHƯƠNG I;

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Tổng quan về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1 Tổng quan về doanh thu.

1.1.1.1 Khái niệm doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.2 Phân loại doanh thu.

➤ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

➤ **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

➤ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu hoạt động tài chính là các khoản thu từ tiền lãi, tiền lãi bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

Tiền lãi: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền, các khoản tương đương tiền hoặc các khoản còn nợ doanh nghiệp, như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán...;

Tiền bản quyền: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản, như: Bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm máy vi tính...;

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

➤ **Thu nhập khác:** Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.1.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Điều kiện ghi nhận doanh thu được phản ánh trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC.

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.4 Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng.

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.

- Tiêu thụ theo phương thức gián tiếp: Theo tiêu thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi cho các quầy hàng, cửa hàng... nhờ bán hộ. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn hàng bán.

- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

1.1.2 Các khoản làm giảm doanh thu.

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng, doanh nghiệp cần có những chế độ khuyến khích đối với những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ được chiết khấu thương mại, còn nếu hàng

kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm doanh thu gọi là doanh thu thuần.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

➤ **Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

➤ **Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

➤ **Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

➤ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu và thuế GTGT (theo phương pháp trực tiếp):** được xác định theo số lượng hàng hóa tiêu thụ, giá tính thuế và thuế suất của từng mặt hàng trong đó:

Thuế tiêu thụ : đặc biệt được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà nhà nước không khuyến khích sản xuất kinh doanh và hạn chế tiêu thụ như: rượu, bia, thuốc lá, vàng mã...

Thuế xuất khẩu Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: Là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định tiêu thụ trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu về sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

1.1.3 Tổng quan về chi phí.

1.1.3.1 Khái niệm:

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì: Chi phí là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

1.1.3.2 Phân loại chi phí:

➤ ***Giá vốn hàng bán:*** Là giá thực tế xuất kho của số hàng hóa (gồm xae chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thị và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ ***Chi phí bán hàng:*** là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

➤ ***Chi phí quản lý doanh nghiệp:*** là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất...

➤ **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ các khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp

➤ **Chi phí khác:** Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- Các khoản chi phí khác

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế × Thuế suất thuế TNDN

1.1.4 Tổng quan về kết quả kinh doanh.

➤ **Khái niệm:** Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ **Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:** Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

- Lợi nhuận của doanh nghiệp bao gồm:

+ Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

+ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

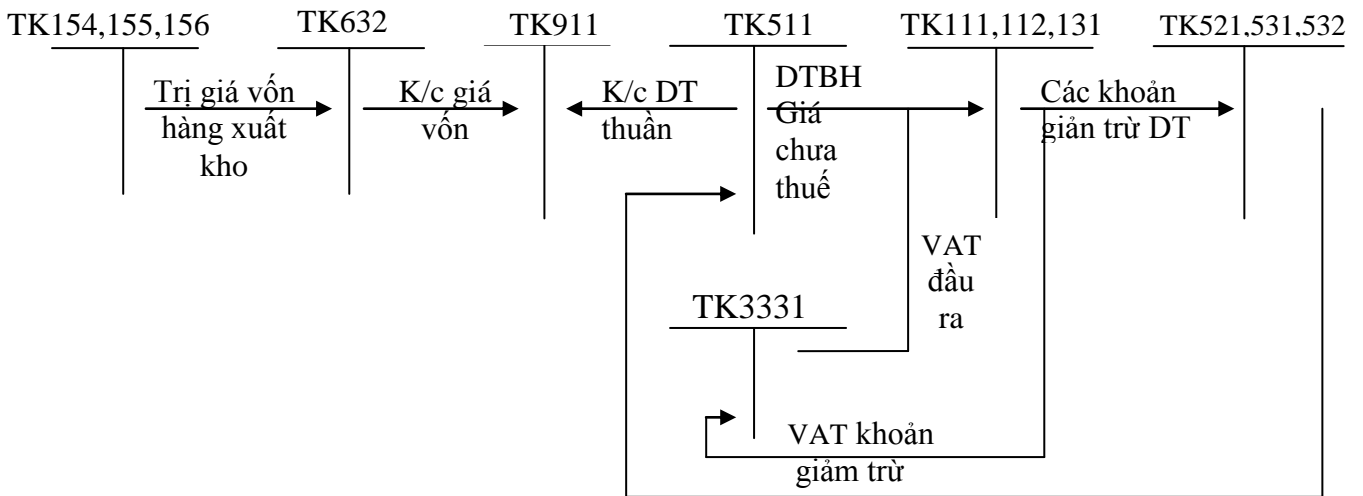
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (lợi nhuận ròng hay lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2 Các phương thức tiêu thụ hàng hóa chủ yếu trong các Doanh nghiệp thương mại.

Phương thức tiêu thụ hàng hoá có ảnh hưởng trực tiếp đối với việc sử dụng các tài khoản kế toán, phản ánh tình hình xuất kho hàng hoá, đồng thời có tính quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng, hình thành doanh thu bán hàng và tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận.

1.2.1 Phương thức tiêu thụ hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu chưa thuế đồng thời phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp tính trên doanh thu ghi nhận.

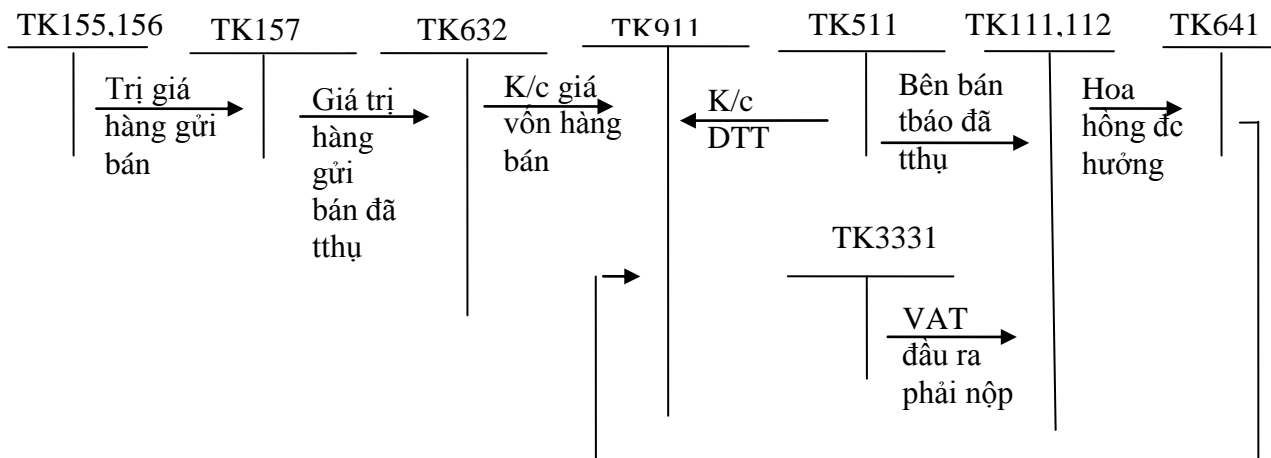
Sơ đồ 1.1 Kế toán bán hàng theo phương thức trực tiếp**1.2.2 Phương thức tiêu thụ hàng gián tiếp (gửi bán qua đại lý).**

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Khi xuất hàng gửi đi, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới chuyển quyền sở hữu và được ghi nhận doanh thu bán hàng.

Theo luật thuế giá trị gia tăng, nếu đại lý bán hàng theo đúng giá do bên giao đại lý quy định thì toàn bộ thuế VAT sẽ do chủ hàng chịu, bên đại lý không phải nộp thuế VAT trên phần hoa hồng được hưởng. Ngược lại, nếu đại lý hưởng khoản chênh lệch giá thì bên đại lý sẽ phải chịu thuế VAT tính trên phần giá trị gia tăng này, bên chủ hàng chịu thuế VAT trong phạm vi doanh thu của mình.

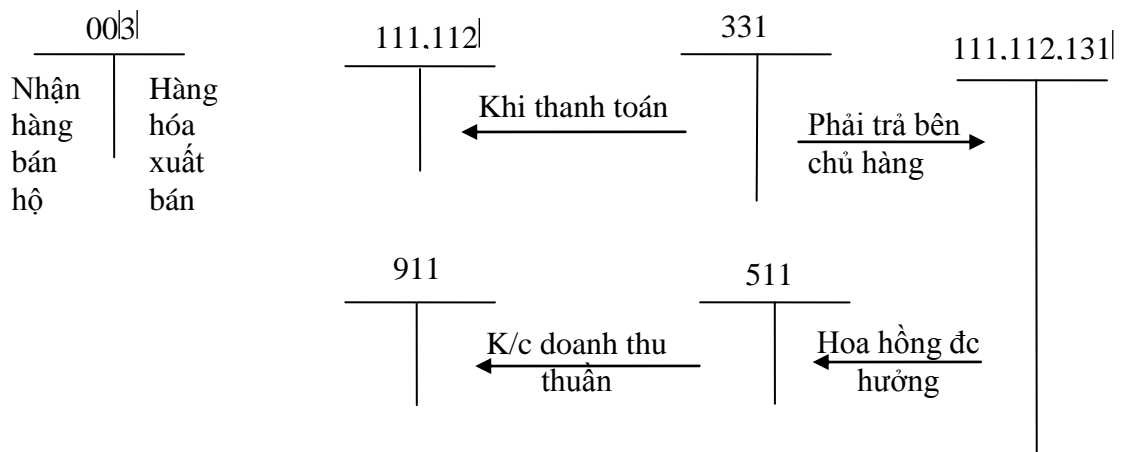
➤ Kế toán tại đơn vị giao đại lý:

Sơ đồ 1.2: Kế toán tại đơn vị giao đại lý



➤ Kế toán tại đơn vị nhận đại lý :

Kế toán ghi nhận toàn bộ trị giá vốn số hàng này vào bên nợ TK003- Hàng nhận bán hộ, ký gửi. Khi được xác định là tiêu thụ ghi nhận vào bên có TK 003. Doanh thu bán hàng là toàn bộ hoa hồng được hưởng do nhận bán đại lý.



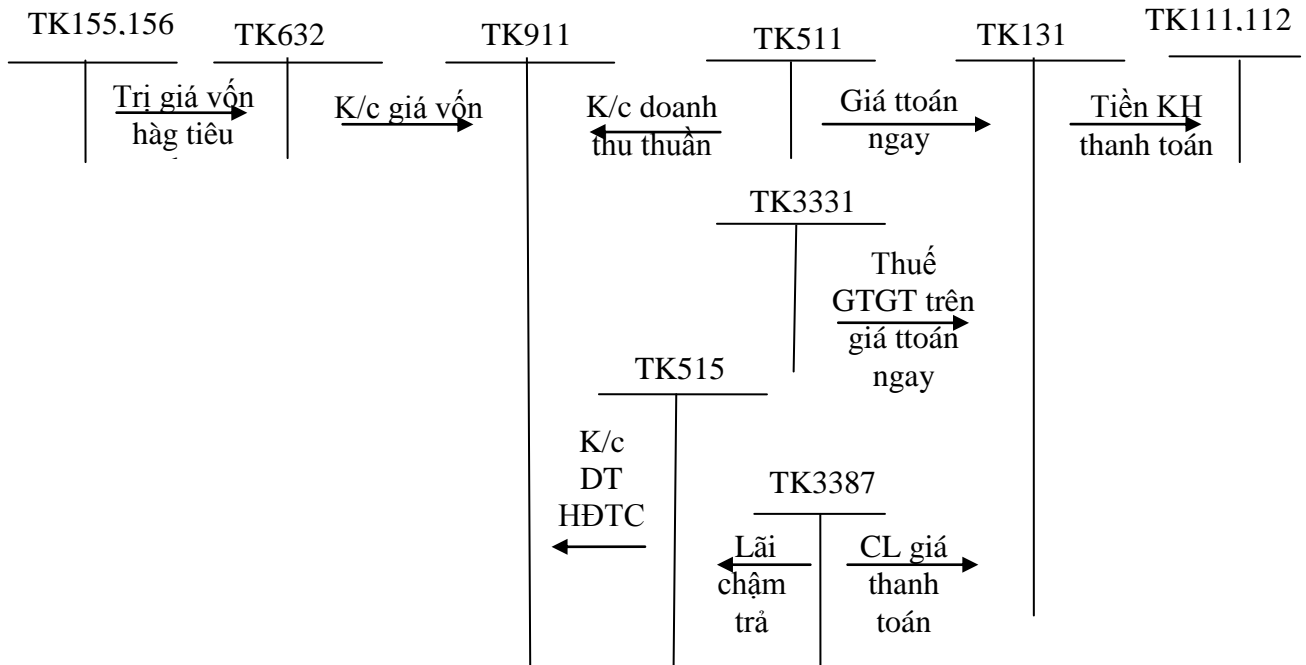
Sơ đồ 1.3: Kế toán tại đơn vị nhận đại lý

1.2.3 Phương thức trả chậm, trả góp.

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường, số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Theo phương thức trả góp, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng được chuyển giao

được coi là tiêu thụ. Về thực chất, chỉ khi nào người mua thanh toán hết tiền hàng thì doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ mô tả hình thức bán hàng trả chậm, trả góp.

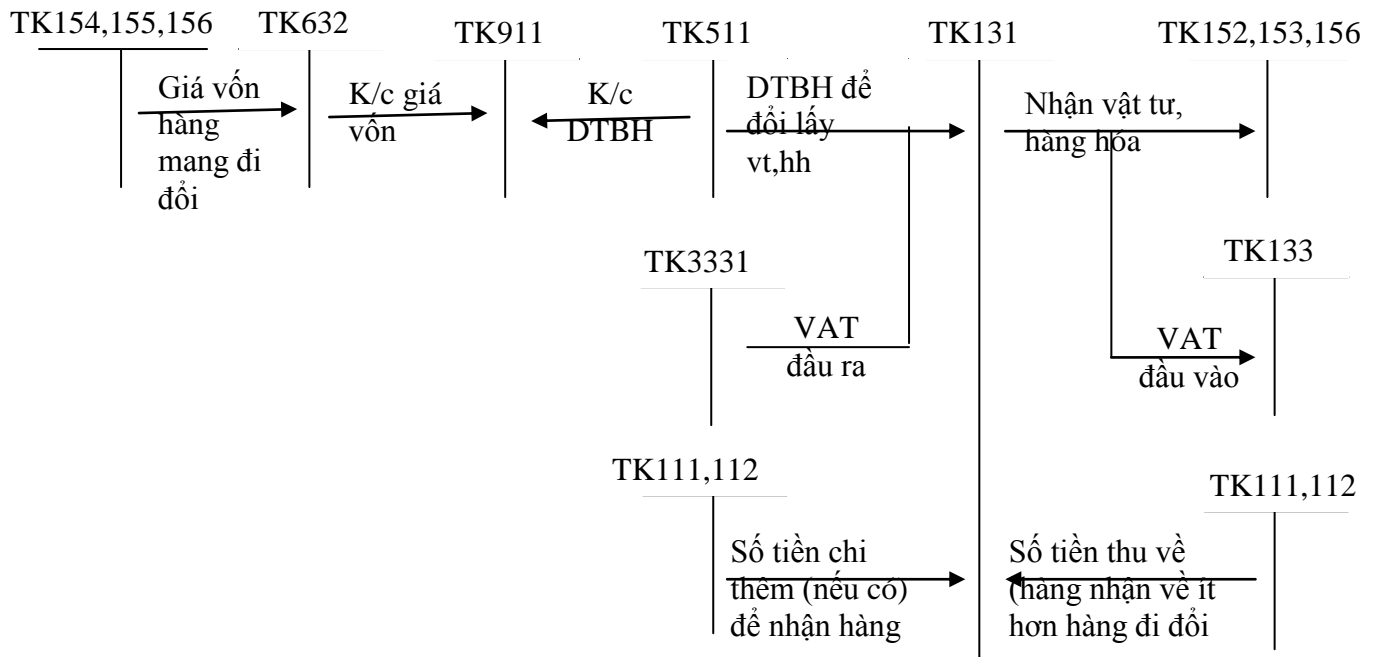


1.2.4 Phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận.

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán, chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

1.2.5 Phương thức hàng đổi hàng.

Hàng đổi hàng là phương thức tiêu thụ mà trong đó, người bán đem sản phẩm, vật tư, hàng hoá của mình để đổi lấy vật tư, hàng hoá của người mua. Giá trao đổi là giá bán của hàng hoá, vật tư đó trên thị trường.

Sơ đồ 1.5: Kế toán bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng

1.3 Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.3.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.3.1.1 Các loại hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Các hoạt động bán hàng: bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

1.3.1.2 Các loại doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng hóa.
- Doanh thu bán thành phẩm.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu trợ cấp trợ giá.
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

1.3.1.3 Chứng từ sử dụng.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 01 GTKT-3 LL).
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02 GTGT-3 LL).

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03 P XK-3 LL).
- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT).
- Giấy báo có của Ngân hàng....

1.3.1.4 Tài khoản sử dụng.

➤ Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa, mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

*** Kết cấu tài khoản:**

Bên Nợ:

- Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của Doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 Tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa.
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.

- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.

➤ **Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.

✱ Kết cấu Tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Bên Có:

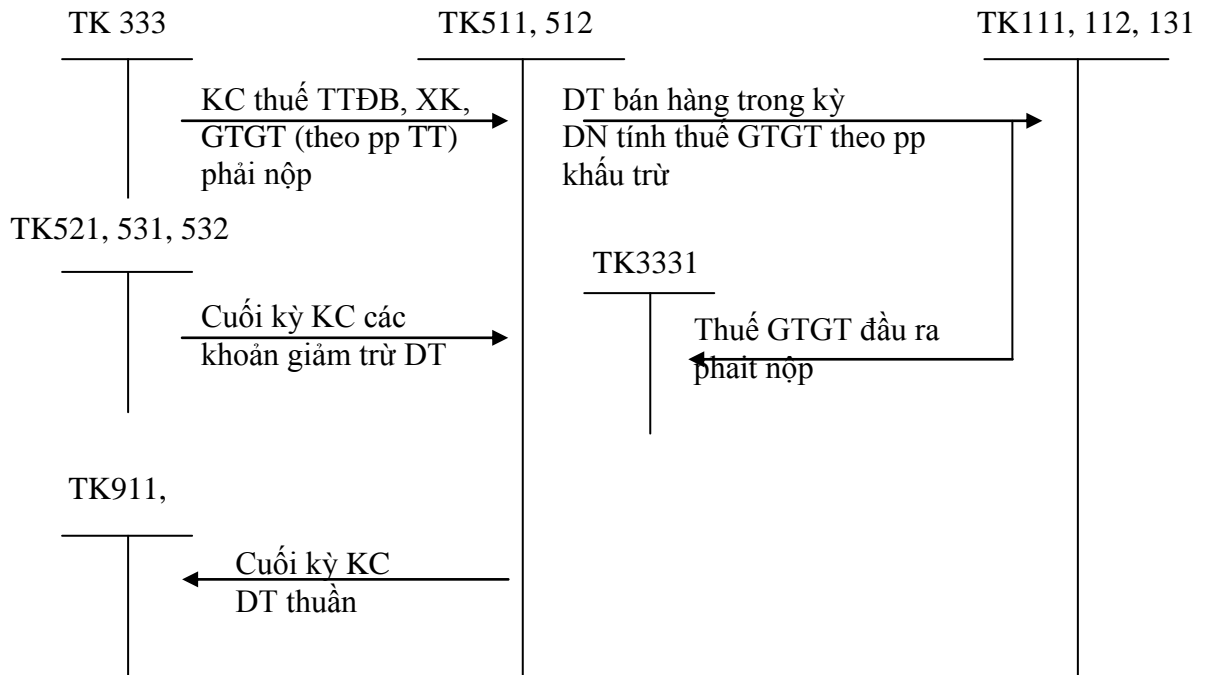
Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 512 có ba tài khoản cấp hai:

- TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- TK 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.3.1.5 Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát qua biểu sơ đồ 1.6



Sơ đồ 1.6 Kế toán DTBH và cung cấp dịch vụ,
doanh thu nội bộ.

1.3.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**1.3.2.1 Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.3.2.2 Tài khoản sử dụng**➤ Tài khoản 521 " Chiết khấu thương mại"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

* Kết cấu tài khoản:**Bên Nợ:**

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521-chiết khấu thương mại không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 531 "Hàng bán bị trả lại"**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (Tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bán hàng bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng".

* Kết cấu tài khoản:**Bên Nợ:**

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

Kết chuyển doanh thu của hàng hóa bị trả lại vào bên nợ Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ", hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ" để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531-hàng bán bị trả lại, không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 532 "Giảm giá hàng bán"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém chất lượng, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

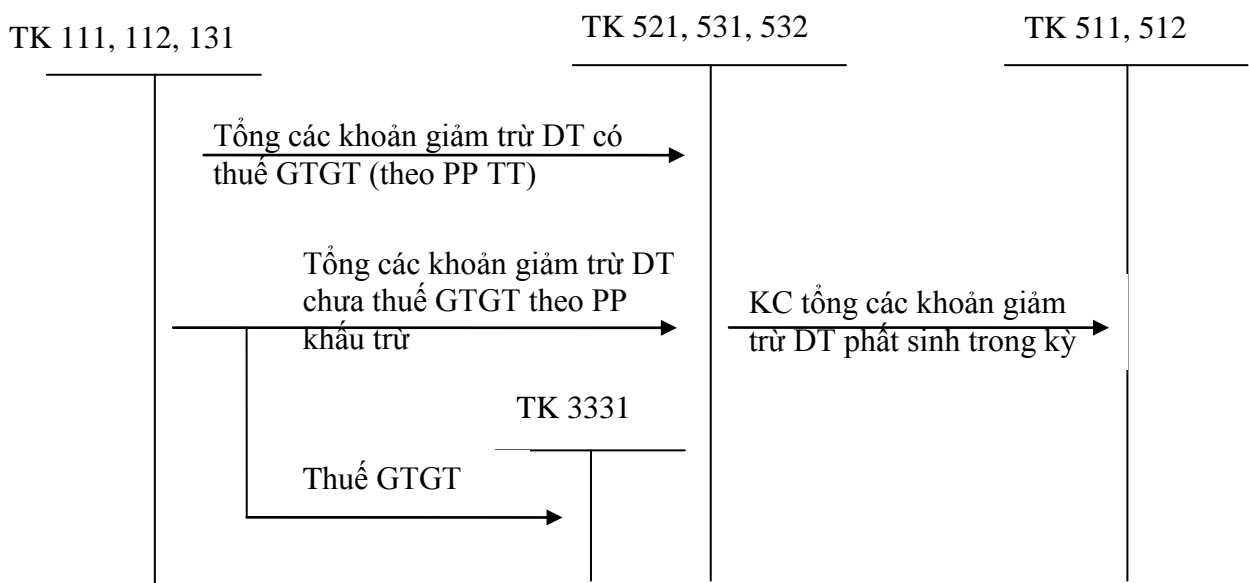
Bên Có:

Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" hoặc Tài khoản 512 "Doanh thu bán hàng nội bộ".

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

1.3.2.3 Quy trình hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.7 như sau



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.3 Kế toán giá vốn hàng bán.**1.3.3.1 Chứng từ sử dụng.**

- Hóa đơn GTGt (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).

- Phiếu xuất kho, phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.3.3.2 Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 632 “ Giá vốn hàng bán”.

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch

vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) trong kỳ.

Ngoài ra tài khoản này còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

1.3.3.3 Kết cấu tài khoản.

➤ ***Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.***

Bên Nợ:

♣ Đối với hoạt sản xuất kinh doanh phản ánh:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên, nhiên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho(chênh lệch giữ số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

♣ Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư phản ánh.

- Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ.
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư.
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ.
- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ.
- Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn hàng bán của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Kết chuyển toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

➤ *Trường hợp doanh nghiệp kê toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.*

♣ Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của hàng bán đã xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch số trích lập dự phòng năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải lập năm trước)..
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh:.

♣ Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ.

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm”.

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.3.3.4 Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán.

Muốn xác định đúng đắn kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

- Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

- Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

➤ Phương pháp tính theo giá đích danh : được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn

giá thực tế của lô hàng đó.

➤ Theo phương pháp bình quân gia quyền :

- *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ*

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên nhược điểm của phương pháp này là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng kịp thời thông tin kế toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

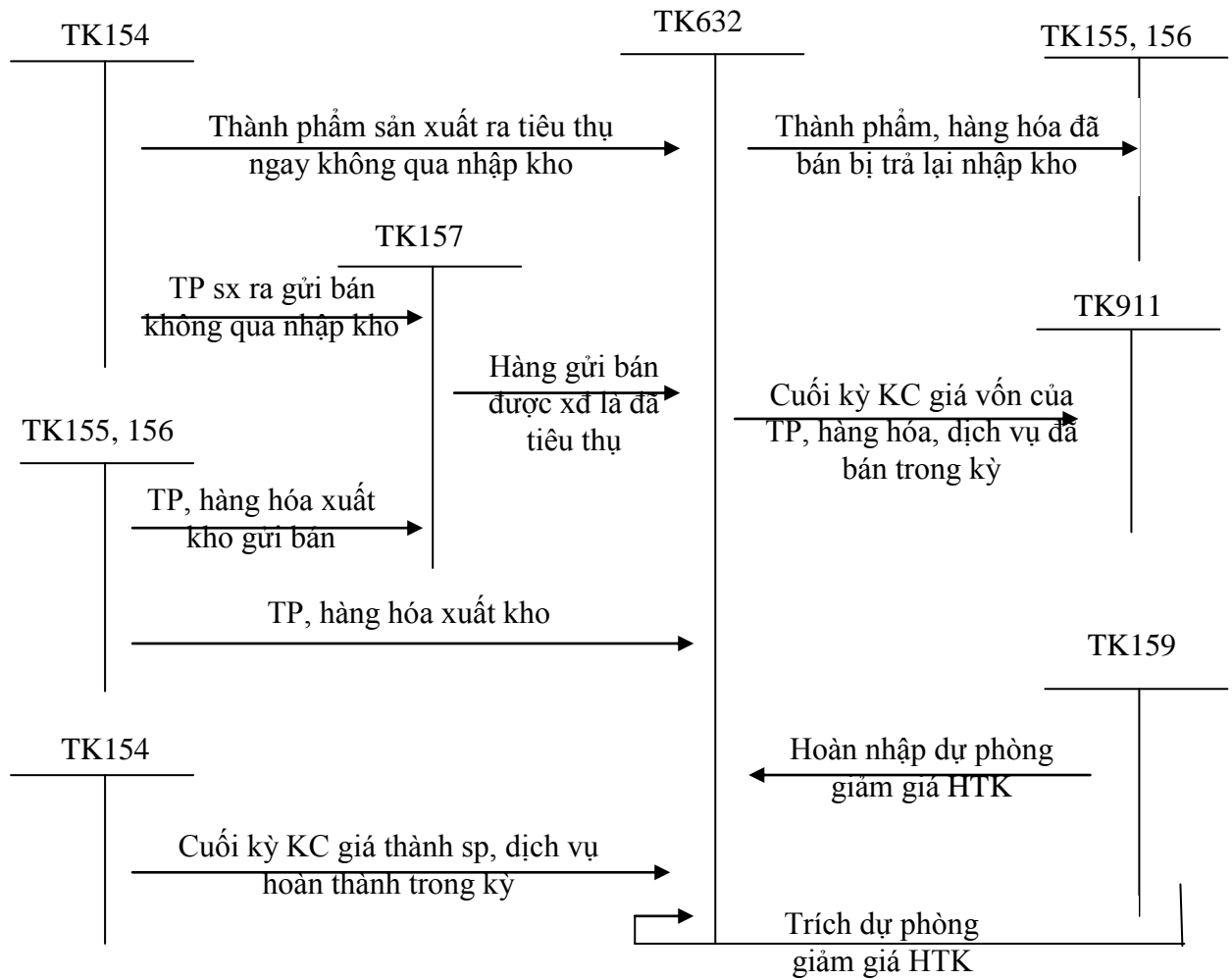
$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế SP, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này khác phục được hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở những doanh nghiệp có ít chủng loại hàng hóa và số lần nhập, xuất hàng hóa ít.

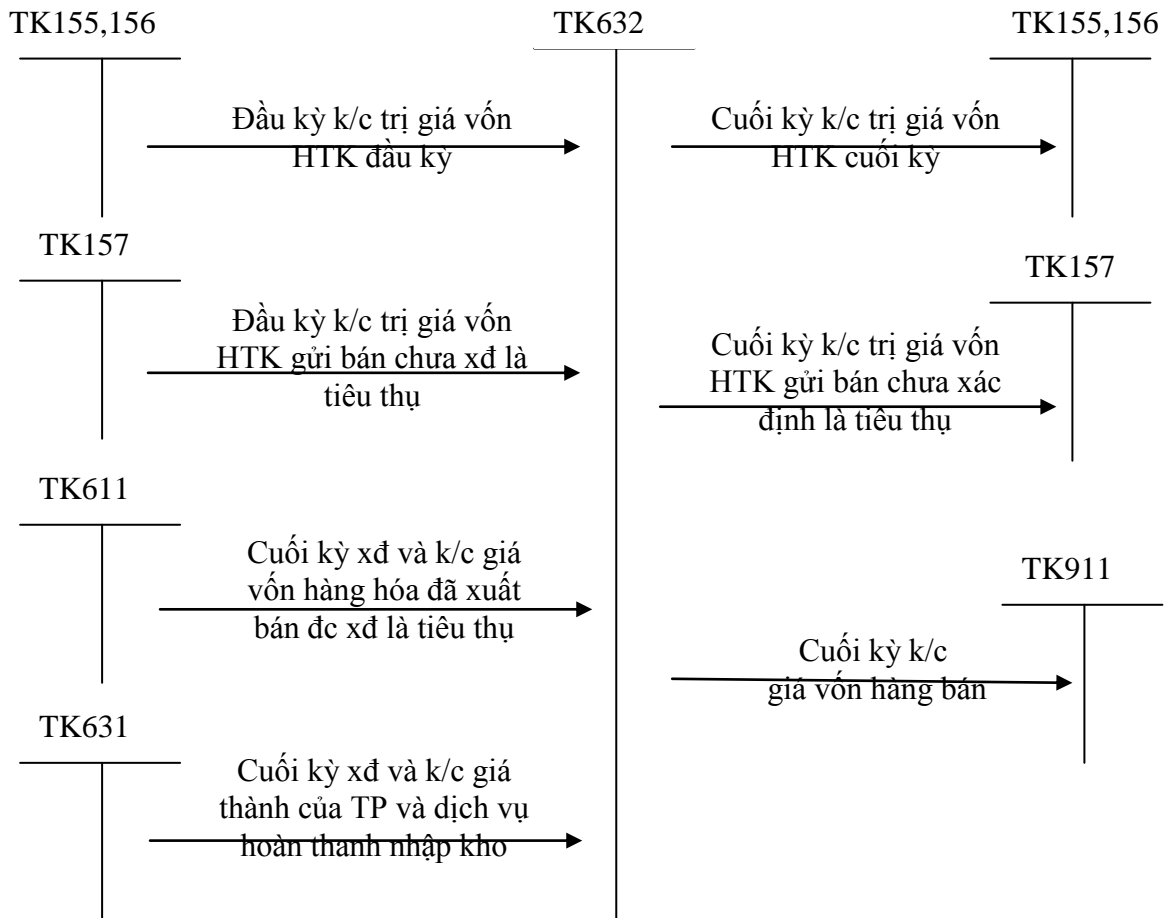
➤ Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

➤ Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO) : áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

1.3.3.5 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 1.8 Kế toán GVHB theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.9: Kế toán GVHB theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.3.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.3.4.1 Chứng từ sử dụng.

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06- TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07- VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, phiếu kế toán,...

1.3.4.2 Tài khoản sử dụng

* **Tài khoản 641 “ Chi phí bán hàng”.** Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (Trừ hoạt động xây lắp),

chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Tài khoản 641 có 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên.
- Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành.
- Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Tài khoản 6418: bằng tiền khác.

* Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên Có:

Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911- xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”.** Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Tài khoản 642 có 8 tài khoản cấp 2:

- Tk 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tk 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng

- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

- TK 6428: Chi phí khác bằng tiền.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

※ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;

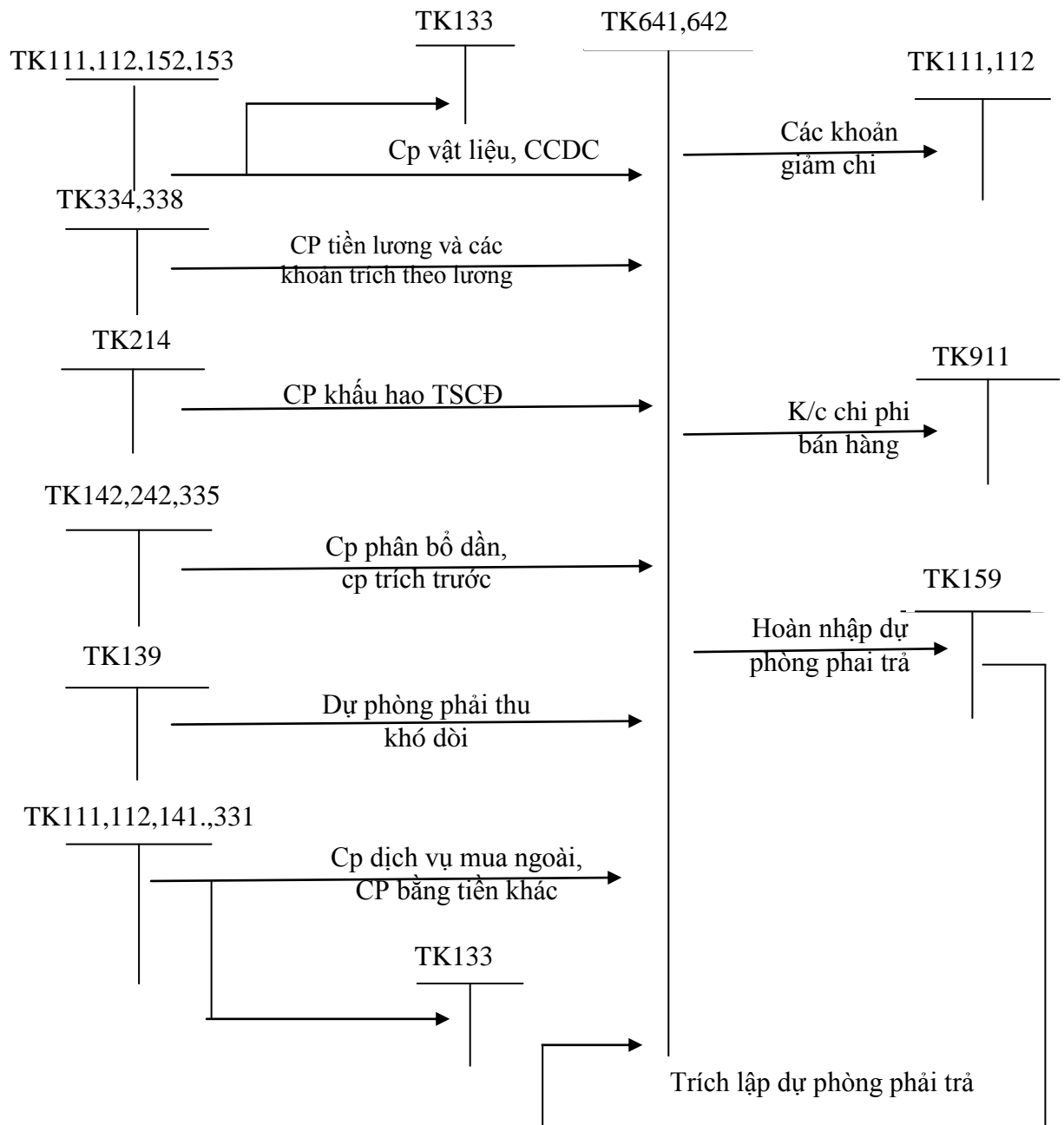
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.3.4.3 Quy trình hạch toán.**Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN**

1.3.5 *Kế toán hoạt động tài chính.*

1.3.5.1 *Chứng từ sử dụng.*

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có.
- Phiếu kế toán.

1.3.5.2 *Tài khoản sử dụng.*

➤ *Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.*

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

* Kết cấu TK

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ khi bán ngoại tệ
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ *Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”.*

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay

vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

✳ Kết cấu TK

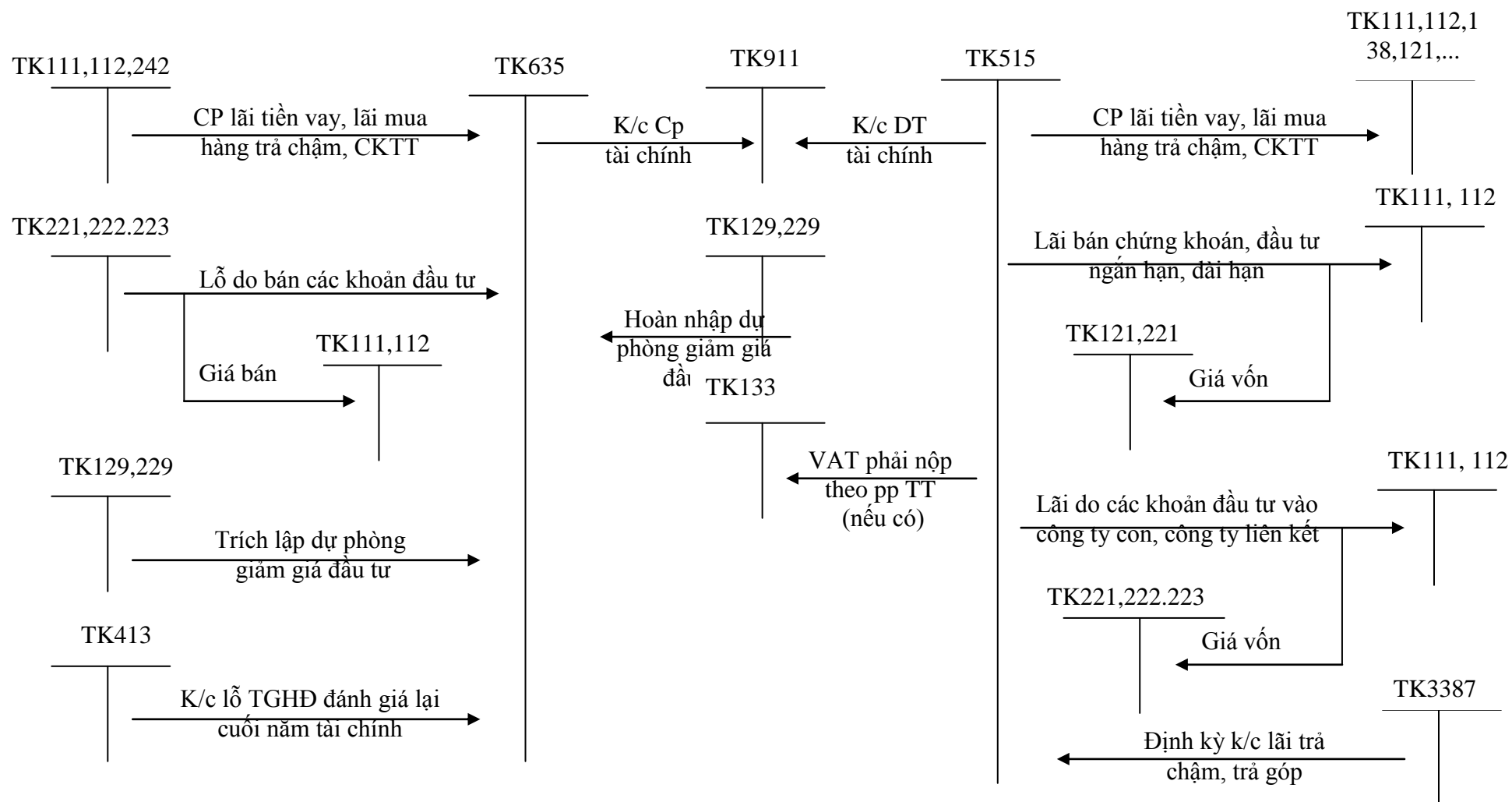
Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã được thực hiện).
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.3.5.3 Quy trình hạch toán.



Sơ đồ 1.11: Kế toán DT HDT, CP HDT

1.3.6 *Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.*

1.3.6.1 *Chứng từ sử dụng.*

- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có.
- Biên bản thanh lý tài sản cố định, ..

1.3.6.2 *Tài khoản sử dụng.*

➤ *Tài khoản 711 “Thu nhập khác”.*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

※ Kết cấu tài khoản.

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Bên Có:

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

➤ *Tài khoản 811 “Chi phí khác”*

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

※ Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

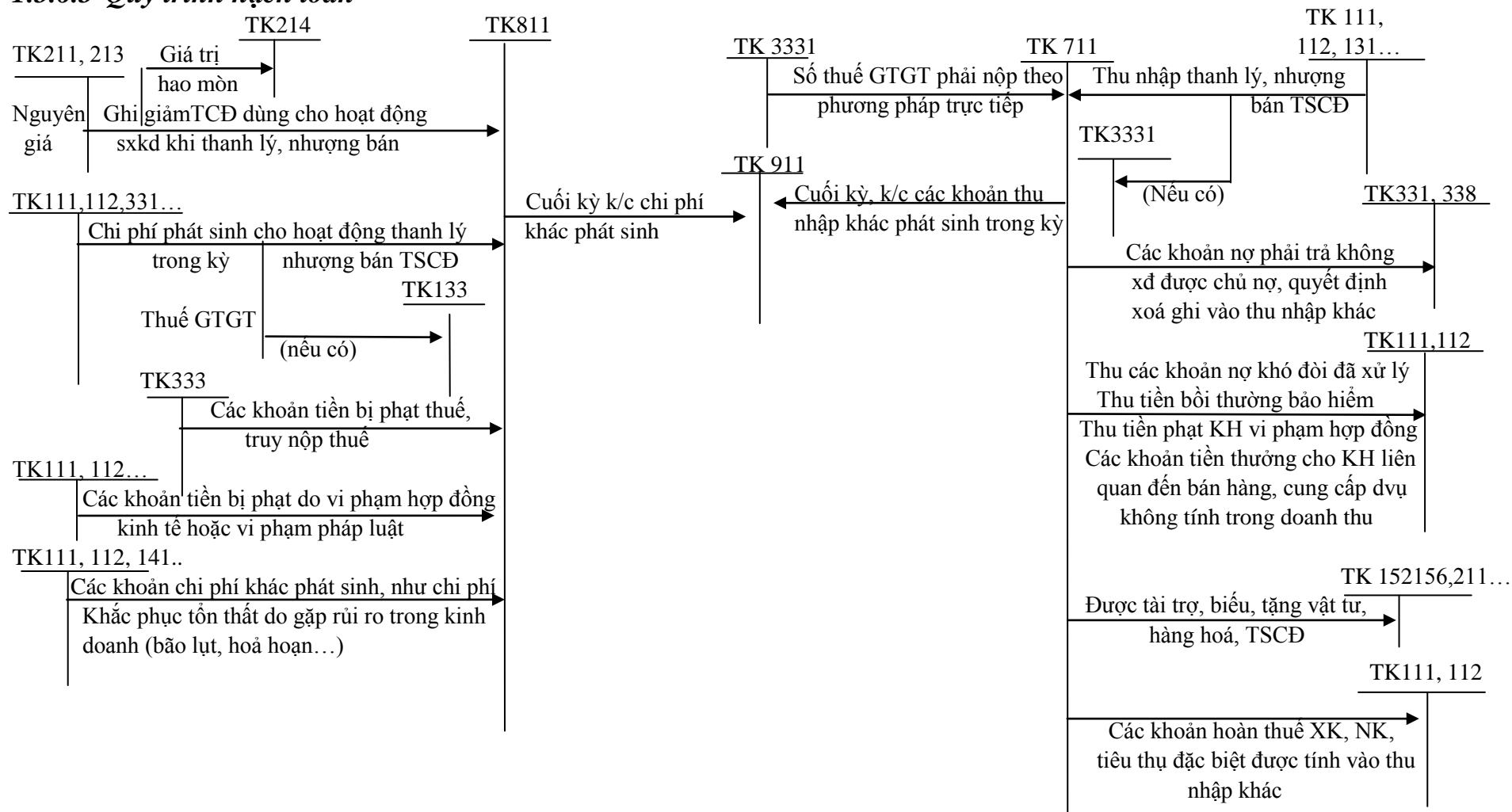
Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có :

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.3.6.3 Quy trình hạch toán



Sơ đồ 1.12 : Sơ đồ hạch toán chi phí khác và thu nhập khác

1.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.4.1.1 .Chứng từ sử dụng.

Phiếu kế toán kết chuyên.

1.4.1.2 Tài khoản sử dụng.

➤ *Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.*

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

* Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các TK có liên quan khác như: TK 111, 112, 333, 421, 414, 415, 431, 511, ...

* Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ *Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.*

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (Lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa xử dụng.

✳ Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2;

- Tài khoản 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
 - Tài khoản 4212 Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
- *Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.*

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế

thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).

- Ghi nhân chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN phát sinh trong năm).

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK8212 “Chi phí thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có TK911.

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.

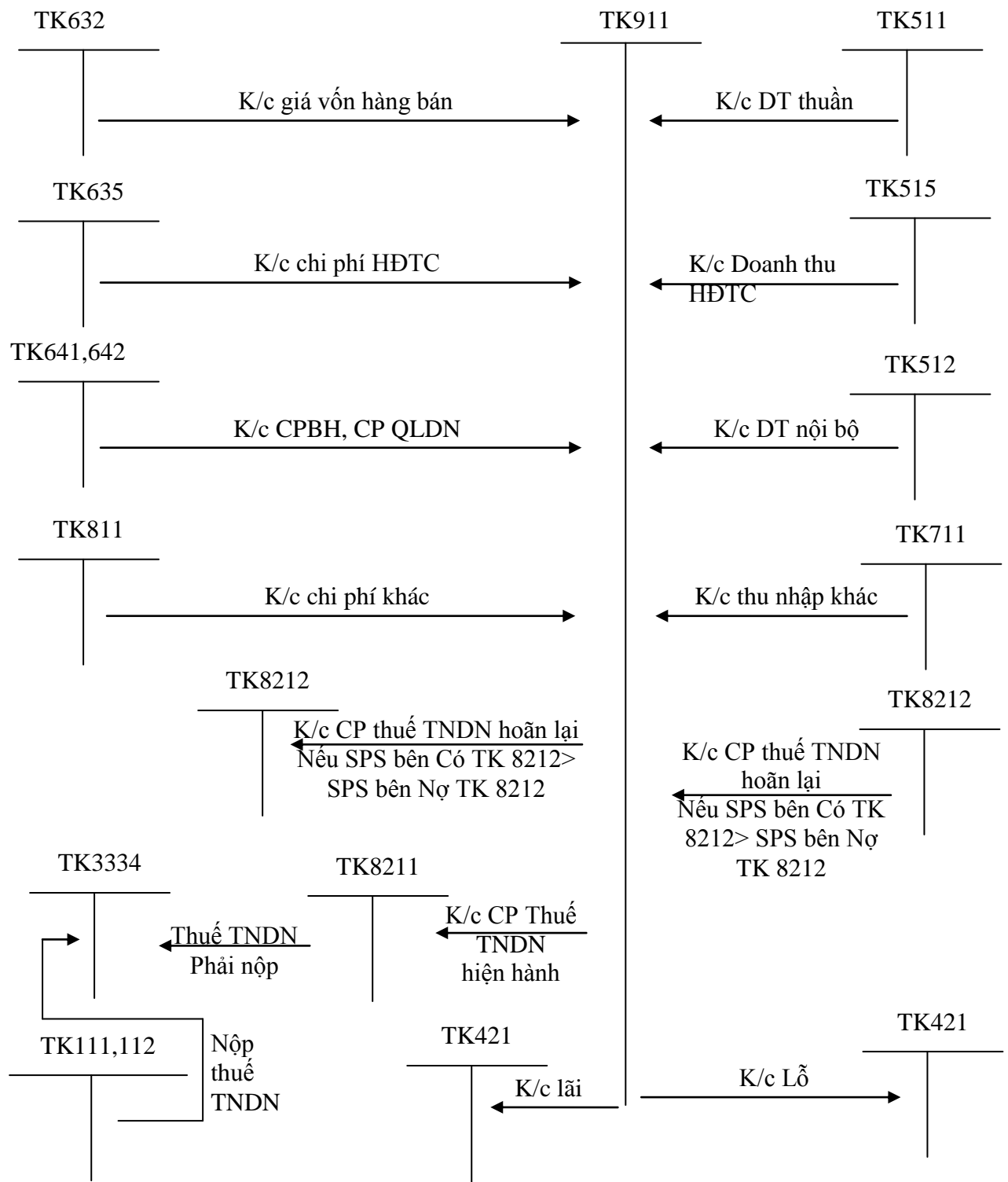
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm).

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”.

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 “ CP thuế TNDN hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh:.

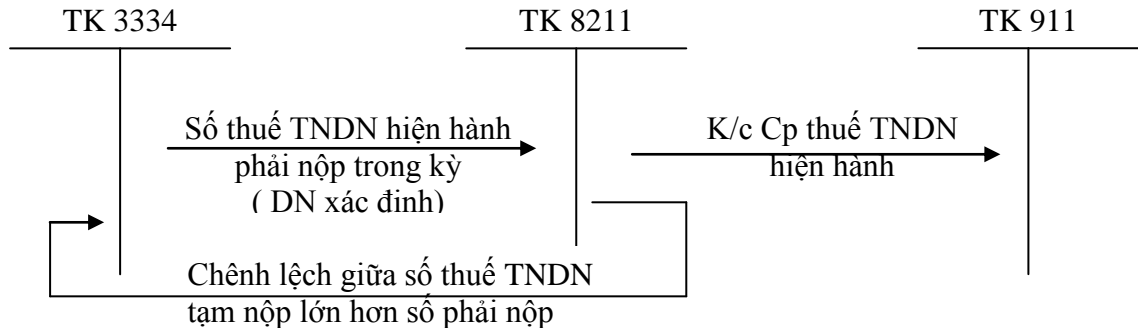
1.4.1.3 Quy trình hạch toán.



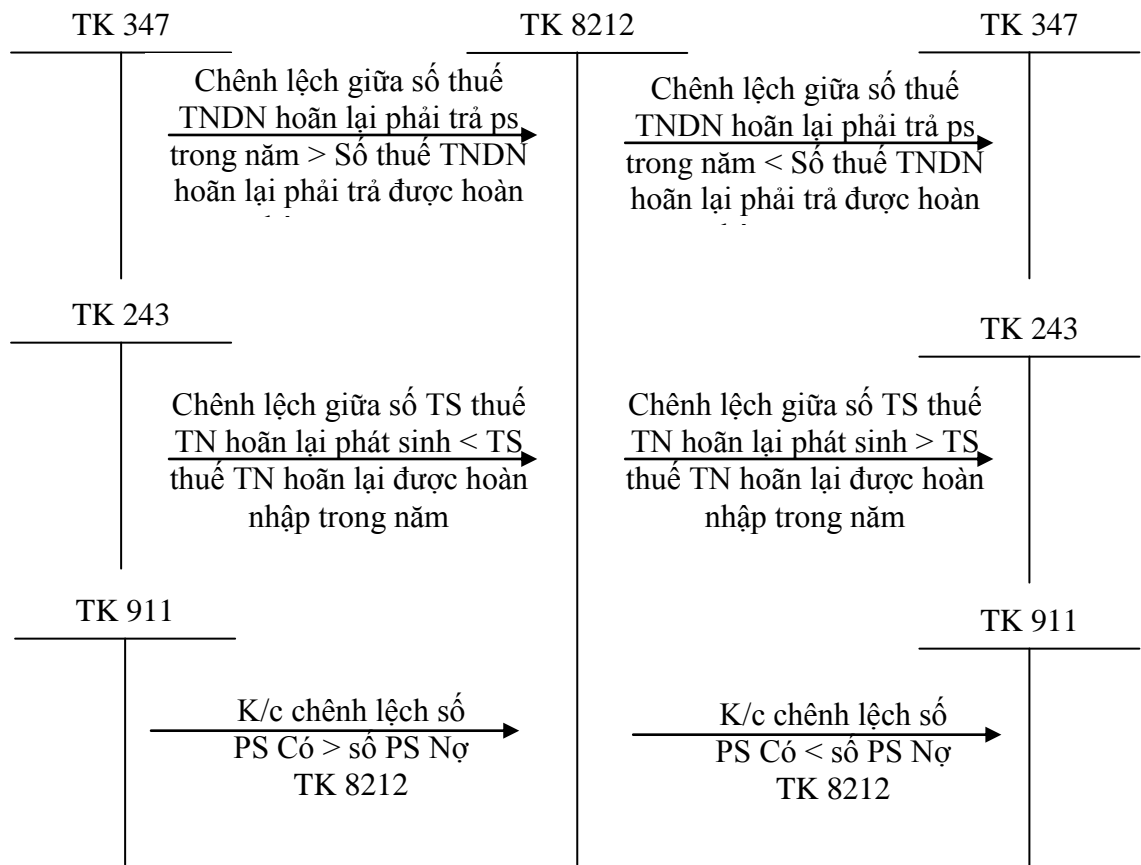
Sơ đồ 1.13: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Sơ đồ 1.14 Kế toán chi phí thuế TNDN

a) Kế toán chi phí thuế TNDN hiện hành



b) Kế toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.5 Hệ thống sổ kế toán và hình thức kế toán sử dụng tại các doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất doanh nghiệp, yêu cầu quản lý, trình độ nhiệm vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán để lựa chọn 1 hình thức kế toán phù hợp và phải tuân đúng quy định của hình thức kế toán đó. Doanh nghiệp phải tuân thủ một trong năm hình thức sổ kế toán sau:

1.5.1 Hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật Ký Chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào Nhật Ký Chung, mà trọng tâm là sổ Nhật Ký Chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật Ký Chung để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

✱ Hình thức kế toán Nhật Ký Chung gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật Ký Chung, sổ Nhật Ký đặc biệt.
- Sổ cái
- Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

1.5.2 Hình thức kế toán Nhật Ký - Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật Ký-Sổ Cái : các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán duy nhất là sổ Nhật ký –sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc là bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

✱ Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái gồm có các loại sổ kế toán như sau:

- Sổ Nhật ký - sổ cái
- Các sổ thẻ kế toán chi tiết.

1.5.3 Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên có của tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự

thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong một quy trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

✱ Hình thức kế toán Nhật Ký chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.5.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian ghi trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

✱ Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.5.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn

hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

1.5.5.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

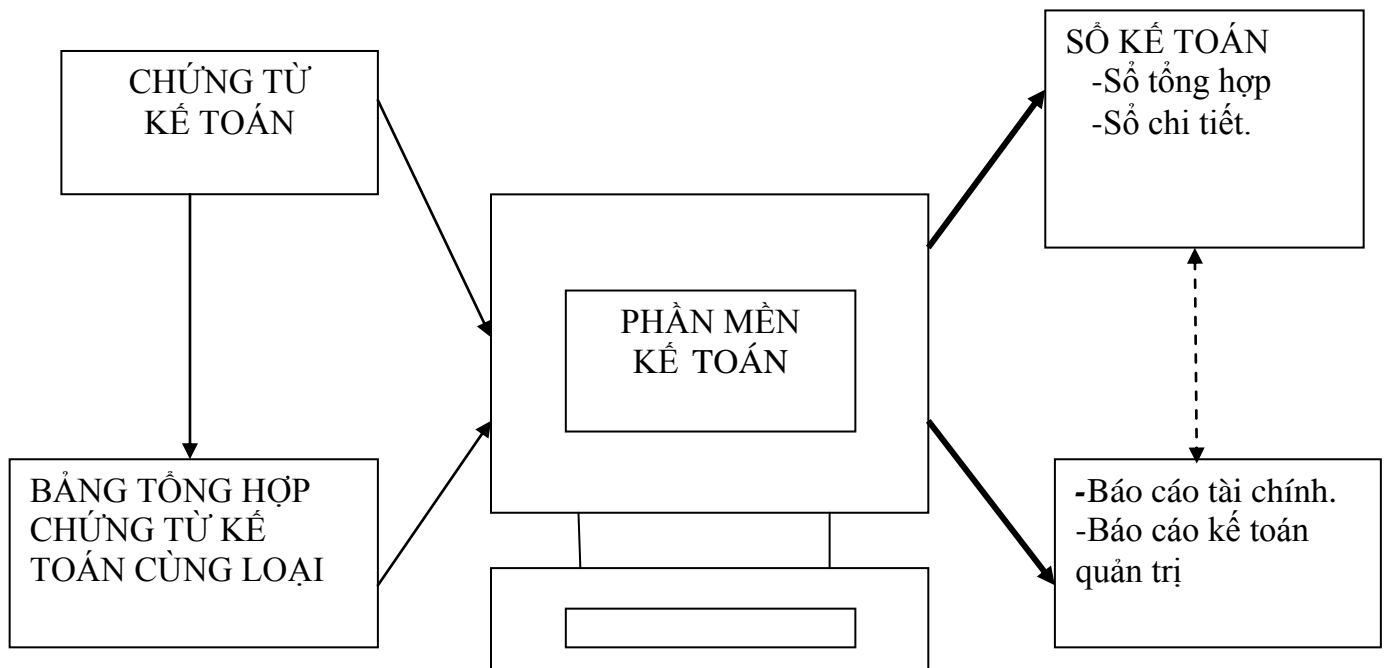
Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (sổ cái, nhật kí-sổ cái...) và các sổ thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các khai tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng quyển và thực hiện các thủ tục pháp lí theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày \longrightarrow

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kì. \longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra. \longleftarrow

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI HOA DƯƠNG

2.1 Khái quát chung về Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

2.1.1 Quá trình hình thành của Công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương.

Tên công ty : Công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.850193

Fax: 0313.850848

Mã số thuế : 0200582348

Tài khoản : 88716959 – Ngân hàng Á Châu, chi nhánh Quán Toan.

Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0202001824 do sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hải Phòng cấp.

Ngày 08 tháng 04 năm 2004, Công ty đăng ký lần đầu và chính thức đi vào hoạt động là một đơn vị kinh tế độc lập, tự hạch toán lãi lỗ. Công ty có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu riêng và ký kết hợp đồng trong quyền hạn của mình, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Với ngành nghề kinh doanh của Công ty là: kinh doanh vật liệu xây dựng và dịch vụ vận tải, Công ty luôn tự hoàn thiện mình để có thể tồn tại đứng vững và phát triển trên thị trường.

Tại thời điểm thành lập, số vốn điều lệ của Công ty là 2.500.000.000 VNĐ. Với sự góp vốn của 2 thành viên: bà Phạm Thị Hoa và ông Vũ Văn Tờ.

Bảng 1: Vốn điều lệ và danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Giá trị vốn góp	Phần vốn góp
1.	Phạm Thị Hoa	1.500.000.000	60%
2.	Vũ Văn Torr	1.000.000.000	40%

Công ty hoạt động theo phương pháp tự quản lý, tự bỏ vốn và chịu trách nhiệm với phần vốn góp của mình, luôn đáp ứng đủ yêu cầu mà Nhà nước đề ra đối với loại hình Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên. Từ ngày mới thành lập, Công ty đã tiến hành triển khai những chiến lược kinh tế, cán bộ nhân viên có nghiệp vụ vững vàng, có ý thức chấp hành kỷ luật cao, năng động sáng tạo trong công việc, tiếp thu khoa học kỹ thuật mới, áp dụng thực tế vào công việc.

2.1.2 Quá trình phát triển của công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương.

Trong những năm đầu mới thành lập, Công ty phải đương đầu với khó khăn của thời kỳ cơ chế thị trường, có sự cạnh tranh gay gắt của các thành phần kinh tế. Thị trường đầu ra của Công ty chưa được mở rộng do hoạt động marketing, hoạt động quản trị nhân sự chưa được chú trọng, bên cạnh đó cơ sở vật chất còn yếu kém nên chưa đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Với những khó khăn trên, Ban lãnh đạo công ty đã huy động mọi nguồn lực và năng lực của mình, đề ra các chiến lược kinh doanh, đầu tư đổi mới công nghệ, trang bị thêm nhiều máy móc, phương tiện vận tải, thiết bị hiện đại, cải thiện điều kiện lao động cho công nhân, phát huy tính tự chủ sáng tạo của cán bộ nhân viên, mở rộng thị trường, nâng cao chất lượng phục vụ, đáp ứng được nhiều hơn những yêu cầu của thị trường.

Trải qua những giai đoạn khó khăn, Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương luôn có sự vận động để phù hợp với xu hướng phát triển chung. Công ty đã cố gắng nâng cao chất lượng phục vụ, mở rộng thị trường...

Trong những năm qua, tổng giá trị doanh thu, thu nhập trên bình quân của người lao động ngày càng tăng.

Sự biến động về doanh thu của công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương từ năm 2009 đến 2011 được thể hiện thông qua biểu 2.2

Bảng 2 Sự biến động Doanh thu.

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	168.379.774	329.646.432	362.159.646
LN kế toán sau thuế	121.233.437	247.234.824	271.619.734

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương.

Công ty hoạt động theo phương pháp tự quản lý, tự bỏ vốn và chịu trách nhiệm với phần vốn góp của mình, luôn đáp ứng đủ yêu cầu mà Nhà nước đề ra đối với loại hình Công ty TNHH có 2 thành viên trở lên.

2.1.3.1 Cơ cấu tổ chức.

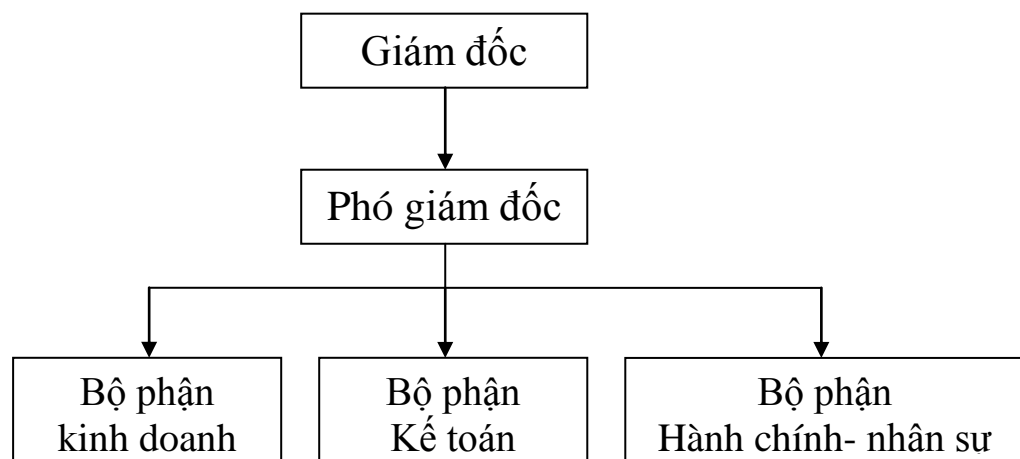
Công ty đã sử dụng mô hình quản lý trực tuyến chức năng với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty gồm 2 cấp:

Cấp 1: Giám đốc, Phó Giám đốc.

Cấp 2: Các phòng ban, phân xưởng.

Sơ đồ 2.1: cơ cấu tổ chức



2.1.3.2 Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận.

- Giám đốc

Trách nhiệm:

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản có liên quan.

Giám đốc là chủ tài khoản duy nhất của Công ty, quyết định việc chi tiêu và sử dụng các nguồn tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về việc sử dụng có hiệu quả tài sản, tiết kiệm kinh phí trên cơ sở thực hiện các quy định về tài chính.

Quyền hạn và nghĩa vụ:

Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty;

Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

Ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty; Tuyển dụng lao động; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty;

Quyết định chi trả lương và phụ cấp đối với người lao động trong Công ty;

Ký kết các hợp đồng kinh tế hoặc uỷ quyền cho người điều hành và phải chịu trách nhiệm về công việc điều hành của mình. Quản lý sâu về tài chính của Công ty.

- Phó giám đốc

Trách nhiệm

Phó Giám đốc Công ty là người giúp việc cho Giám đốc, trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác do Giám đốc Công ty phân công;

Căn cứ kế hoạch công tác của Công ty, Phó Giám đốc chỉ đạo hoạt động thuộc lĩnh vực mình phụ trách. Định kỳ trong cuộc họp giao ban, Phó Giám đốc báo cáo với Giám đốc về việc thực hiện công tác được giao và thống nhất chương trình, thống nhất chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ trong kỳ tiếp theo;

Phó Giám đốc Công ty có trách nhiệm chủ động giải quyết nội dung các công việc trong phạm vi lĩnh vực được Giám đốc Công ty phân công phụ trách; Khi được uỷ quyền, Phó giám đốc Công ty là người thay mặt Giám đốc giải quyết các công việc của Công ty khi Giám đốc vắng mặt. Các công việc thực hiện trong thời

gian được ủy quyền phải báo cáo đầy đủ với Giám đốc;

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc trong phạm vi, nhiệm vụ được giao và trước Pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công;

Quyền hạn và nghĩa vụ:

Phó giám đốc thực hiện chỉ đạo các bộ phận chuyên môn thuộc khối công việc được giao. Khi được phân công đi họp, hội nghị, công tác sau khi xong việc phải báo cáo lại cho Giám đốc biết trong thời gian gần nhất để Giám đốc chỉ đạo thực hiện công việc chung;

Được phép ký kết các Hợp đồng kinh tế, dịch vụ môi giới để tạo điều kiện chủ động với thị trường, nâng cao hiệu quả kinh tế của hoạt động kinh doanh khi được Giám đốc uỷ quyền;

Thay mặt Giám đốc duyệt chi các khoản chi thường xuyên như: công tác phí, vật tư văn phòng phẩm, cước phí công văn, điện thoại, tiền điện, tiền nước, chi tạm ứng các khoản cố định và tạm ứng khác không quá 500.000đ. Trường hợp cần duyệt ứng cao hơn phải báo cáo bằng văn bản cho Giám đốc xem xét;

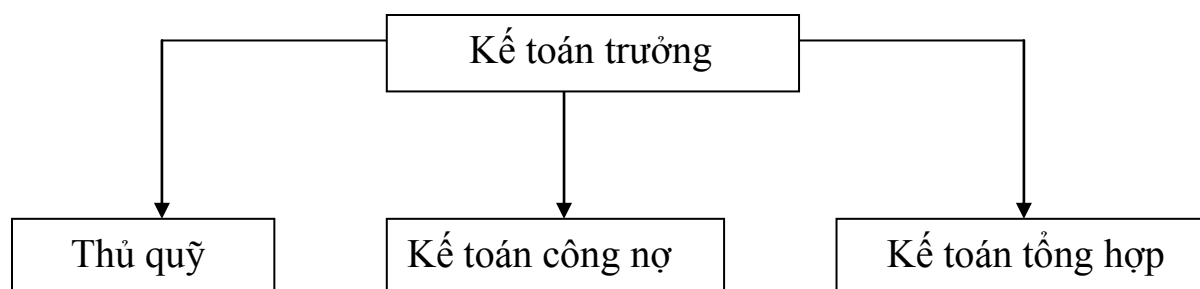
Các phòng ban khác trong Công ty

Phòng	Bộ phận	Công việc cụ thể
QUẢN LÝ	Bộ phận kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch hoạt động. - Thống kê kết quả hoạt động kinh doanh. - Quản lý hoạt động kinh doanh. - Tổ chức những cuộc họp quan trọng. - Quản lý thông tin thị trường.
	Nhân sự - Hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển dụng, sa thải. - Bố trí nhân sự - Đánh giá nhân sự - Đào tạo và phát triển nhân sự - Đãi ngộ nhân sự - Chăm công - An toàn lao động và vệ sinh môi trường.

TỔNG HỢP		<ul style="list-style-type: none"> - Theo dõi quản lý chung tài sản của công ty. - An toàn lao động và vệ sinh môi trường - Quản lý đội xe.
	Kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý thu, chi tiền mặt. - Quản lý việc sử dụng vốn vay. - Nghiệp vụ ngân hàng. - Ghi chép sổ sách kế toán. - Thanh, quyết toán. - Báo cáo tài chính. - Kê khai thuế.

2.1.4 Tổ chức công tác kế toán tại công ty.

2.1.4.1 Tổ chức bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2: tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại và Vận tải Hoa Dương

Trong đó:

Kế toán trưởng: Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản thu, theo dõi tài sản cố định, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc.

Kế toán công nợ: Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

Thu quỹ: Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu, chi, giấy tạm ứng lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

2.1.4.2 Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách áp dụng tại công ty TNHH thương mại và vận tải Hoa Dương.

Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán hình thức được công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung.

- Hệ thống tài khoản công ty đang sử dụng là hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành.
- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 .
- Đồng tiền sử dụng hạch toán: Việt Nam Đồng (VNĐ).
- Phương pháp tính thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Nguyên tắc đánh giá theo thực tế, phương pháp xác định giá trị tồn kho cuối kỳ là giá thực tế, phương pháp hạch toán hàng tồn kho là phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty áp dụng theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, với nguyên tắc:

Mọi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đều lập chứng từ kế toán; Chứng từ kế toán chỉ lập 1 lần cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; Nội dung chứng từ kế toán phải đầy đủ các chỉ tiêu, phải rõ ràng, trung thực với nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; Chữ

viết trên chứng từ phải rõ ràng, không tẩy xóa, không viết tắt; Số tiền viết bằng chữ phải khớp, đúng với số tiền viết bằng số.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- *Kiểm tra chứng từ*: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

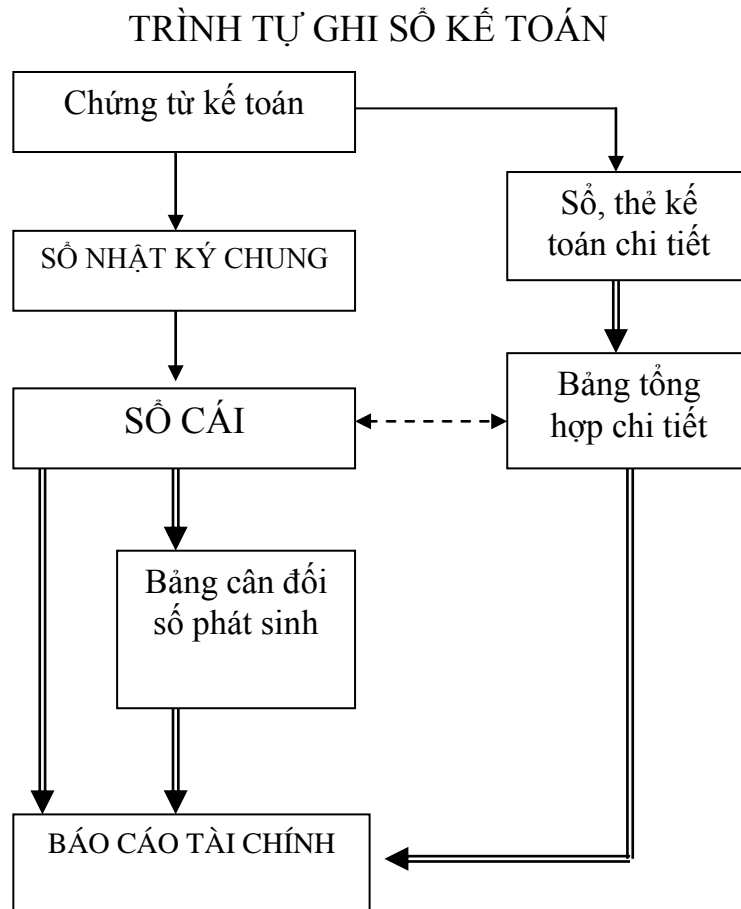
- *Hoàn chỉnh chứng từ*: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất, ... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- *Luân chuyển chứng từ*: Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ kế toán luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác.

- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức " Nhật ký chung" là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ NKC sau đó từ sổ NKC vào sổ cái tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Trình tự ghi sổ như sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ chi tiết kế toán liên quan.

Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng phát sinh Nợ và Tổng phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký

chung cùng kỳ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

2.2.1.1 Các phương thức tiêu thụ hàng hóa của công ty TNHH Thương mại và vận tải Hoa Dương.

Hiện nay công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương thực hiện phương thức bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp. Theo phương thức này công ty có thể bán buôn với số lượng lớn hoặc bán lẻ với xuất bán trực tiếp cho đối tượng khách hàng có khối lượng nhỏ không có đại lý. Cụ thể như sau:

➤ Bán buôn:

Thông qua việc ký kết các hợp đồng kinh tế và các đơn đặt hàng Công ty lập kế hoạch bán hàng hoá tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiêu thụ và kết quả kinh doanh của đơn vị mình.

Phương thức bán buôn chủ yếu mà công ty đang áp dụng bao gồm:

- Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty.
- Bán buôn không qua kho (vận chuyển thẳng).

• Bán buôn trực tiếp qua kho của công ty:

Kho của công ty đặt tại trụ sở của công ty. Đây là kho để dự trữ toàn bộ nguồn hàng của công ty. Khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán bán hàng của Công ty viết hoá đơn GTGT gồm 3 liên và xuất hàng tại kho, thủ kho lập phiếu xuất kho, và giao hàng theo như đơn đặt hàng đã ký. Khi giao xong, cuối ngày thủ kho nộp bản kê xuất hàng hàng ngày lên cho phòng kế toán. Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho tính giá xuất kho cho lô hàng đã xuất.

• Bán buôn không qua kho của công ty.

- Để tiết kiệm chi phí bốc dỡ và chi phí lưu kho, Công ty xuất thẳng hàng hoá đến nơi bán buôn, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký và đơn đặt hàng, kế toán bán hàng của công ty lập hoá đơn GTGT gồm 3 liên và giao hàng trực tiếp từ nhà máy

đến nơi bán mà không qua kho.

➤ Bán lẻ: Việc bán lẻ của Công ty được thực hiện tại 2 kho của công ty.

Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán lập báo cáo bán hàng. Hàng ngày báo cáo bán hàng và số tiền bán hàng được trong ngày nộp về công ty. Kế toán căn cứ vào các báo cáo bán hàng lập Hóa đơn GTGT. Như vậy kế toán Công ty sử dụng chứng từ ban đầu gồm các báo cáo bán lẻ hàng hoá, phiếu thu tiền mặt và hoá đơn GTGT để hạch toán.

2.2.1.2 Phương thức thanh toán tại Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

Để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, đồng thời cũng để phù hợp với khả năng thanh toán của mọi khách hàng, Công ty đa dạng hoá các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng. Các phương thức thanh toán chủ yếu là:

Công ty áp dụng thanh toán theo 3 phương thức sau:

➤ Bán hàng thu tiền ngay thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: áp dụng với khách hàng mua ít, không thường xuyên hoặc khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay. Phương thức thanh toán này giúp cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tránh được tình trạng chiếm dụng vốn.

➤ Thanh toán chậm: phương thức này áp dụng cho khách hàng truyền thống có uy tín đối với doanh nghiệp.

➤ Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người mua sang tài khoản của Công ty thông qua ngân hàng và người mua phải trả lệ phí nếu tài khoản của người mua và tài khoản của Công ty không cùng một hệ thống ngân hàng.

2.2.1.3 Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả kinh doanh. Công ty đã thực hiện theo chế độ kế toán đã quy định. Các tài khoản được sử dụng:

TK 111: Tiền mặt.

TK 112: Tiền gửi ngân hàng.

TK 131: Phải thu khách hàng.

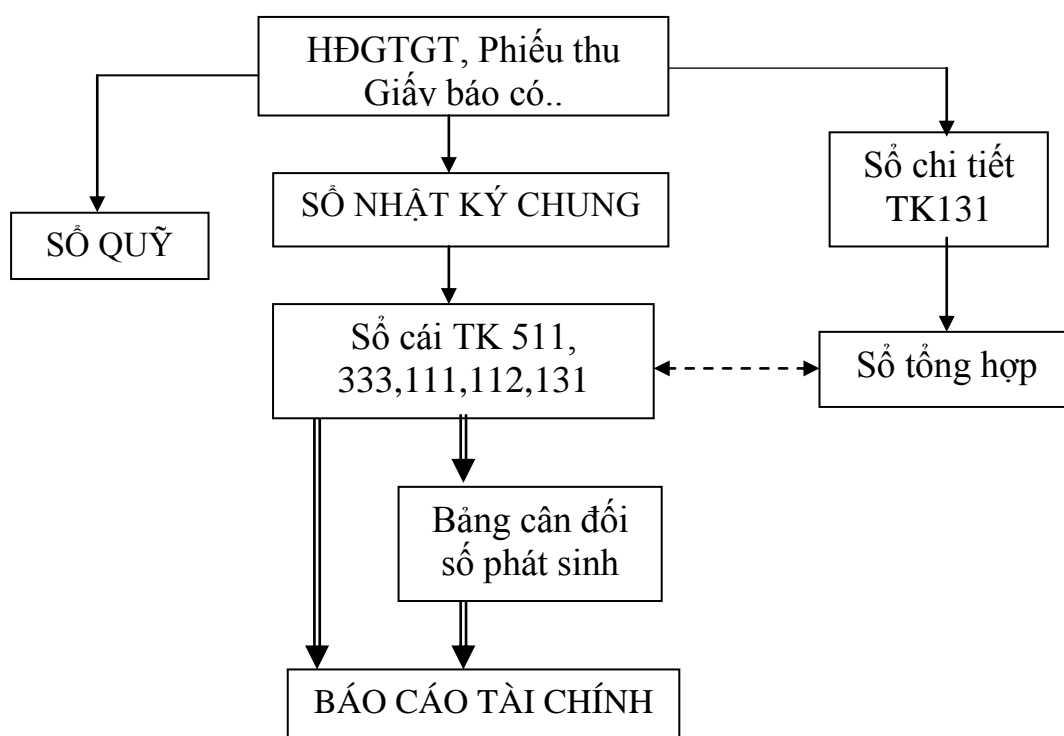
TK 333: Thuế và các khoản nộp nhà nước.

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

2.2.1.4 Chứng từ và sổ sách sử dụng:

- Hợp đồng kinh tế.
- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, giấy báo có.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.

2.2.1.5 Quy trình hạch toán.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: <-.->

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu tại công ty

TNHH TM & VT Hoa Dương.

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sổ chi tiết bán hàng, từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái các TK 511, 3331, 111, 112, 131.

Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối TK và lập báo cáo tài chính.

2.2.1.6 Một số ví dụ:

Ví dụ 1: Ngày 21/ 12/ 2011 Công ty bán hàng cho Công ty Cổ phần thép An Huy theo Hợp đồng kinh tế số 2112- 12/HD-TAH (Biểu số 2.1) . Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế, kế toán viết Hóa đơn GTGT 0031156 (Biểu số 2.2). Chứng loại, số lượng và đơn giá được ghi trong hợp đồng như sau:

- Thép D10 SSE, số lượng 10.000 kg, đơn giá bán 16.850 đ/ 1kg.
- Thép D16 SSE, số lượng 2.000 kg, đơn giá bán 16.745 đ/ 1kg.
- Thép D18 SSE, số lượng 5.000 kg, đơn giá bán 16.745 đ/ 1kg.
- Thép D20 SSE, số lượng 15.000 kg, đơn giá bán 16.745 đ/ 1kg.

Giá bán chưa thuế giá trị gia tăng 10%. Công ty Cổ phần thép An Huy thanh toán bằng chuyển khoản Giấy báo có 705 (Biểu số 2.3).

Theo hóa đơn GTGT 0031156 và giấy báo có 705 kế toán vào các sổ sau:

- Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.4).
- Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.5).
- Sổ cái TK 112 (Biểu số 2.6).

Biểu số 2.1 Trích Hợp đồng kinh tế số 2112-12/HD- TAH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

----- *** -----

Hải Phòng, Ngày 21 tháng 12 năm 2011

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2112-12/HD-TAH

Bên B (Bên bán) : CÔNG TY TNHH TM & VT HOA DƯƠNG.

Đại diện: Bà **Phạm Thị Hoa** Chức vụ: **Giám đốc**
 Địa chỉ: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng.
 Điện thoại: 0313.850193/0904850193 Fax:0313.850848
 Tài khoản: 88716959 tại Ngân Hàng ACB – CN Quán Toan - Hải Phòng.
 Mã số thuế: 0200582348

Bên A(Bên mua) : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP AN HUY.

Đại diện: Ông **Dương An Thụy** Chức vụ: **Giám đốc**
 Địa chỉ: Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, Hải Phòng.
 Điện thoại: 0318.820043 Fax: 0318.820056
 Tài khoản: 57767289 tại Ngân Hàng ACB – CN Quán Toan – Hải Phòng
 Mã số thuế: 0200825689

Hai bên đã đồng ý ký kết và thực hiện các điều khoản sau:

ĐIỀU I: HÀNG HÓA- SỐ LƯỢNG- ĐƠN GIÁ

STT	Chủng loại	Nhà sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng (kg)	Đơn giá (Vnd/kg)	Thành tiền
1	D10, CB300- V	SSE	Kg	10.000	16.850	168.500.000
2	D16, CB400- V	SSE	Kg	2.000	16.745	33.490.000
3	D18, CB400- V	SSE	Kg	5.000	16.745	83.725.000
4	D20, CB400- V	SSE	Kg	15.000	16.745	251.175.000
	TỔNG			32.000		536.890.000

(Bảng chữ: năm trăm ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

- Đơn giá hàng D10, D16, D18, D20 chưa bao gồm VAT 10%.
- Giao hàng theo cân điện tử của bên bán trên phương tiện của bên mua tại kho của bên bán.
- Phương thức thanh toán: Thanh toán sau khi nhận hàng.
- Thời gian giao nhận hàng: Ngày 21/ 12/ 2011.
- Đại diện nhận hàng: **Phạm Thị Lan** số CMT 031612089 cấp ngày 09/05/2006.
Vũ Việt Hưng số CMT 031323954 cấp ngày 03/08/2001.

...

Biểu số 2.2**HOÁ ĐƠN**

Mẫu số: 01 GTKT-3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

HU/2011B

Liên 3: Lưu

0031156

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thương mại và vận tải Hoa Dương.

MST:

0	2	0	0	5	8	2	3	4	8	—	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Điện thoại : 0313.850193 – 0904.850193

Số tài khoản: 88716959

Họ tên người mua hàng: Lê Nam Thắng

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thép An Huy.

MST:

0	2	0	0	8	2	5	6	8	9	—	—	—	—
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng.

Số tài khoản: 57767289

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	D10, CB300- V	Kg	10.000	16.850	168.500.000
2	D16, CB400- V	Kg	2.000	16.745	33.490.000
3	D18, CB400- V	Kg	5.000	16.745	83.725.000
4	D20, CB400- V	Kg	15.000	16.745	251.175.000
Cộng tiền hàng:					536.890.000
Thuế suất GTGT:10%		Tiền thuế:			53.689.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					590.579.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.					

Người mua hàng

(Ký, họ tên)

Người bán hàng

(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.3

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: APP
Mã KH: 10986

GIẤY BÁO CÓ

Số GD: 705

Ngày 21/12/2011

Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI HOA DƯƠNG

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tiền bằng số: 590.579.000

Số tiền bằng chữ: Năm trăm chín mươi triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng chẵn.

Nội dung: Nhận ủy nhiệm chi từ số TK 57767289 .

Giao dịch viên

Kiểm soát viên

Biểu số 2.4

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2011**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đồng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
		Cộng dồn trang trước sang			
						
PT1101	01/12	công ty TNHH sx & TM Sao Đỏ thanh toán nợ	x		111 131	16.599.000	16.599.000
						
PC1018	15/12	Mua đinh của công ty Cổ Phần thép Việt Nhật.	x		156 133 111	1.200.000 120.000	1.320.000
						
GBC 705 HĐGTGT 0031156	21/12	Bán hàng cho cty CP thép An Huy TT = CK	x		112 511 3331	590.579.000	536.890.000 53.689.000
						
		Tổng Cộng				912.748.368.022	912.748.368.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.5

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2011****Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Số hiệu: 511**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
							
21/12	HĐGTGT 0031156	21/12	Bán hàng cho cty CP thép An Huy			112		536.890.000
							
31/12	PK 081	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng năm 2011			911	104.708.995.940	
			Cộng SPS	x	x	x	104.708.995.940	104.708.995.940
			Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI
Năm 2011
Tài khoản: 112**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT		Số trang	Stt dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				78.752.416	
						
		Phát sinh T12					
GNT360	10/12	Rút quỹ tiền mặt gửi Ngân hàng	x		111	500.000.000	
						
GBC680	15/12	Rút TGNH nhập quỹ tiền mặt	x		111		300.000.000
						
GBC 705	21/12	Bán hàng cho cty CP thép An Huy	x		511 3331	536.890.000 53.689.000	
...
		Tổng Cộng				180.311.504.596	180.342.379.842
		Số dư cuối kỳ				47.877.170	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên)

2.2.2 Giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương.

2.2.2.1 Đặc điểm của giá vốn hàng bán.

- Giá vốn hàng bán là giá đã bao gồm toàn bộ giá mua và chi phí có liên quan đến thu mua.

- Giá vốn hàng bán được Công ty xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Theo phương pháp này giá vốn của lô hàng bán ra chính là trị giá của lô hàng khi mua vào.

- Công ty áp dụng hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

$$\text{Trị giá hàng nhập kho} = \text{Trị giá hàng mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua thực tế phát sinh}$$

$$\text{Trị giá hàng tồn cuối kỳ} = \text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ} - \text{Trị giá hàng xuất trong kỳ}$$

2.2.2.2 Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng.

➤ Chứng từ:

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Hóa đơn GTGT.

➤ Sổ sách:

- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết và sổ tổng hợp chi tiết các tài khoản liên quan.
- Sổ cái TK 632 cùng các tài khoản liên quan.

➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán.
- Tài khoản 156: Hàng hóa.

2.2.2.3 Quy trình hạch toán.

Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán vào sổ nhật ký chung.

Từ nhật ký chung kế toán ghi vào bên có trong sổ cái TK 632 đối ứng nợ với TK 156.

Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển giá vốn hàng bán trong kỳ sang TK 911. Từ đó làm căn cứ để Lập báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ.

Lấy lại ví dụ 1, lô hàng hóa xuất kho ngày 21/ 12/ 2012 theo Hóa đơn GTGT 0031156 có giá vốn theo Phiếu xuất kho 2975 (Biểu số 2.7).

Căn cứ vào Phiếu xuất kho 2975, kế toán ghi bút toán tăng giá vốn hàng bán đồng thời ghi giảm hàng tồn kho vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.8). Từ đó làm cơ sở để vào sổ Cái tài khoản 156 (Biểu số 2.9) và sổ Cái tài khoản 632 (Biểu số 2.10).

Biểu số 2.7

Đơn vị: Công ty TNHH TM& VT Hoa Dương

Mẫu số: 02- VT

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương, Hải Phòng

QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 21 tháng 12 năm 2011

Số: 2975**Nợ: 632 530.000.000****Có: 156 530.000.000**

Họ và tên người nhận hàng: LÊ NAM THẮNG

Địa chỉ: Công ty CP thép An Huy.

Lý do xuất: Bán hàng hóa

Xuất tại kho: kho của công ty

STT	Tên, nhãn, hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư (sphh)	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	D10, CB300- V	D10 SSE	kg	10.000	10.000	16.700	167.000.000
2	D16, CB400- V	D16 SSE	kg	2.000	2.000	16.500	33.000.000
3	D18, CB400- V	D18 SSE	kg	5.000	5.000	16.500	82.500.000
4	D20, CB400- V	D20 SSE	kg	15.000	15.000	16.500	247.500.000
	Cộng			32.000	32.000		530.000.000

Tổng số tiền (bằng chữ): Năm trăm ba mươi triệu chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 21. Tháng 12. năm 2011

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.8

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2011**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT đồng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
		Cộng dồn trang trước sang			
						
PT1101	01/12	công ty TNHH sx & TM Sao Đỏ thanh toán nợ	x		111 131	16.599.000	16.599.000
						
PC1018	15/12	Mua đinh của công ty Cổ Phần thép Việt Nhật.	x		156 133 111	1.200.000 120.000	1.320.000
						
PX2975	21/12	Bán hàng cho cty CP thép An Huy	x		632 156	530.000.000	530.000.000
						
		Tổng Cộng				912.748.368.022	912.748.368.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.9

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2011
Tài khoản: 156

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	NKC		TKĐ U	Số tiền	
SH	NT		Số trang	Stt dòng		Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ				5.547.458.355	
						
		Phát sinh T12					
PN1125	01/12	Mua thép cty Thép Việt úc chưa TT			331	403.977.000	
						
PX 2975	21/12	Bán hàng cho cty CP thép An Huy			632		530.000.000
						
PX1480	31/12	Bán hàng cho công ty TNHH Tuyên Năng			632		13.200.000
		Tổng Cộng				99.878.247.920	102.524.739.032
		Số dư cuối kỳ				2.900.967.243	

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.10

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2011
Tên TK: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐ U	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
							
21/12	PX 2975	21/12	Bán hàng cho cty CP thép An Huy			156	530.000.000	
							
31/12	PX 3145	31/12	Bán hàng cho cty TNHH Tuyền Năng			156	13.200.000	
31/12	PK081	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2011			911		102.524.739.032
			- Cộng SPS	x	x	x	102.524.739.032	102.524.739.032
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12. năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Hoạt động tài chính.

2.2.3.1 Đặc điểm hoạt động tài chính tại công ty.

Vì số vốn SXKD của Công ty có hạn Công ty luôn chú trọng việc nhập và xuất bán hàng hóa nên trong quá trình hoạt động công ty không tham gia vào các hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh... Khoản lãi tiền gửi phát sinh trong năm là do số dư trên tài khoản 112 “ Tiền gửi ngân hàng ”.

Ngoài ra, do mới thành lập Công ty cần có vốn để tiếp tục hoạt động kinh doanh nên đã vay vốn của các cá nhân, tổ chức. Vì vậy hoạt động tài chính trong năm chỉ phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư trong doanh nghiệp bao gồm các khoản thu tiền lãi, trả tiền lãi và các khoản phí chuyển khoản giao dịch với Ngân Hàng.

Công ty thực hiện giao dịch qua Ngân hàng Á Châu chi nhánh Quán Toan:

Chủ tài khoản: Phạm Thị Hoa.

Tên tài khoản: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương.

Số tài khoản: 88716959

2.2.3.2 Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng.

➤ *Chứng từ:*

- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.

➤ *Sổ sách:*

- Sổ nhật ký chung.

- Sổ cái TK 515, 635 và các tài khoản có liên quan,=.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính.

- Tài khoản 635: Chi phí tài chính.

2.2.3.3 Quy trình hạch toán.

Khi nhận được giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng, kế toán tiến hành ghi sổ nhật ký chung, từ nhật ký chung vào sổ cái TK 515, 635. Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và lập các báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ.

- Ngày 05/ 12/ 2012 Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương nhận được giấy báo có số 670 thông báo về khoản lãi tiền gửi trên số dư tài khoản 112 “ Tiền gửi ngân hàng”.

Kế toán căn cứ vào GBC 670 (Biểu số 2.11) ghi tăng Doanh thu hoạt động tài chính và ghi tăng tiền gửi ngân hàng . Kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.13), từ sổ nhật ký chung làm căn cứ vào sổ Cái tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính” (Biểu số 2.14)

- Ngày 07/ 12/ 2012 Công ty nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng thông báo đã thanh toán tiền lãi vay ngắn hạn tháng 12 (GBN 705).

Căn cứ vào GBN 705 (Biểu số 2.12) kế toán ghi tăng Chi phí tài chính đồng thời ghi giảm tiền gửi ngân hàng . Kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.13), từ sổ Nhật ký chung làm căn cứ ghi Nợ TK 635 đối ứng Có với TK 112 trên sổ Cái TK 635 (Biểu số 2.15).

Biểu số 2.11

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: APP
Mã KH: 10986

GIẤY BÁO CỐ**Số GD: 670**

Ngày 05/12/2011

Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI HOA DƯƠNG

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CỐ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tiền bằng số: 1.348.197

Số tiền bằng chữ: Một triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn một trăm chín mươi bảy đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi.

Giao dịch viên**Kiểm soát viên**

Biểu số 2.12

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU
ASIA COMMERCIAL BANK

Mã GDV: APP

Mã KH: 10986

GIẤY BÁO NỢ***Số GD: 705***

Ngày 07/12/2011

Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬN TẢI HOA DƯƠNG

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tiền bằng số: 34.795.732

Số tiền bằng chữ: Ba mươi tư triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng.

Nội dung: Lãi tiền gửi.

Giao dịch viên**Kiểm soát viên**

Biểu số 2.13

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Mẫu số S03a-DN

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**NĂM 2011**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
		Cộng dồn trang trước sang			
						
PT 1101	01/12	công ty TNHH sx & TM Sao Đỏ thanh toán nợ	x		111 131	16.599.000	16.599.000
	
GBC 670	05/12	Nhận lãi tiền gửi tháng 12	x		112 515	1.348.197	1.348.197
						
GBN 705	07/12	Thanh toán tiền lãi vay tháng 12	x		635 112	34.795.732	34.795.732
	
		Tổng Cộng				912.748.368.022	912.748.368.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.14

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2011****Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính****Số hiệu: 515**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Tran g số	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...
05/12	GBC 670	05/12	Nhận lãi tiền gửi tháng 12			112		1.348.197
31/12	PK 081	31/12	Kết chuyển DTHĐTC năm 2011			911	16.178.363	
			- Cộng SPS	x	x	x	16.178.363	16.178.363
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12. năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2011****Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính****Số hiệu: 635**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Tran g sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
...
07/12	GBN 705	07/12	Thanh toán tiền lãi vay tháng 12			112	34.795.732	
31/12	PK 081	31/12	Kết chuyển DTHĐTC năm 2011			911		417.548.779
			- Cộng SPS	x	x	x	417.548.779	417.548.779
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12. năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ vận tải, và công tác quản lý chung tại công ty.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý của công ty TNHH TM & VT Hoa Dương bao gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên bán hàng, quản lý: tiền lương và các khoản trích theo lương theo chế độ.
- Chi phí nhiên liệu: xăng, dầu,...
- Các khoản phí, lệ phí.
- Chi phí khấu hao TSCĐ tại bộ phận bán hàng, quản lý.
- Chi phí bằng tiền khác: chi tiếp khách, chi in hóa đơn...

2.2.4.1 Chứng từ, sổ sách, tài khoản sử dụng.

➤ *Chứng từ:*

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ tiền lương

➤ *Sổ sách:*

- Sổ nhật ký chung,
- Sổ cái tài khoản 641, 642 và các tài khoản liên quan.

➤ *Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 641: Chi phí bán hàng.
- Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Một số tài khoản liên quan.

2.2.4.2 Quy trình hạch toán.

Hàng ngày, căn cứ vào các hóa đơn, phiếu chi, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung kế toán vào sổ cái tài khoản 641, 642. Cuối kỳ, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 và làm căn cứ lập bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

2.2.4.3 Ví dụ.

Ngày 01/ 12/ 2012 kế toán trích khấu hao TSCĐ tháng 12 tại bộ phận bán hàng. Căn cứ vào Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ (Biểu số 2.16) kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19) từ đó làm căn cứ ghi Nợ vào sổ Cái TK 641 (Biểu số 2.20) đối ứng Có TK 214.

Ngày 18/ 12/ 2012 Công ty nhận được Hóa đơn dịch vụ viễn thông số 0555878 (Biểu số 2.17) thông báo tiền điện thoại tháng 12. Căn cứ vào HĐ 0555878, kế toán viết Phiếu chi số 1115 (Biểu số 2.18) thanh toán tiền điện thoại tháng 12 dùng tại bộ phận quản lý doanh nghiệp.

Từ PC 1115, kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.19), từ Nhật ký chung, kế toán ghi vào bên Nợ sổ Cái TK 642 (Biểu số 2.20) đối ứng Có TK 111.

Biểu số 2.16

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Mẫu số: 06 – TSCĐ

Địa chỉ : Nam Sơn- An Dương- HP

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ/BTC

ngày 20/03/2006 Bộ trưởng BTC

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

Tháng 12 / 2011

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chi tiêu	TG sử dụng	Nơi sử dụng Toàn DN		TK 641 Chi phí bán hàng
			Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao	
1	I – Số KH đã trích kỳ trước			1.116.165.650	1.116.165.650
2	II – Số KH TSCĐ tăng trong kỳ			28.118.333	28.118.333
	Nhà kho	12	687.357.261	4.773.333	4.773.333
	Phương tiện vận tải	12	3.361.679.833	23.345.000	23.345.000
3	III - Số KH TSCĐ giảm trong kỳ				
4	IV – Số KH phải trích kỳ này			1.144.283.983	1.144.283.983

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.17

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE(VAT)

Mẫu số 01:GTKT- 2LM-03

Ký hiệu: AC/2011T

Số: 0555878

Liên 2: Giao khách hàng

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng: VTHP – số 4 Lạch Tray.

Tên khách hàng/ customer name: Công ty TNHH TM và VT Hoa Dương.

Mã số: 0200582348.

Địa chỉ/ address: Nam Sơn – An Dương – Hải Phòng.

Số điện thoại/ tel: 0313.850.193.....Mã số/ code:.....

Hình thức thanh toán/ kind of payment:

Dịch vụ sử dụng/ kind of service		Thành tiền/ammount
KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2011		
a.Cước dịch vụ viễn thông.		1.576.683
b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế.		0
c.Chiết khấu + đa dịch vụ.		0
d.Khuyến mại.		0
e.Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ.		0
a+b+c+d	Cộng tiền dịch vụ (1)	1.576.683
Thuế suất GTGT 10%	Tiền thuế GTGT (2)	157.668
1+2+e	Tổng cộng tiền thanh toán.	1.734.351

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn ba trăm lăm mươi một đồng.

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Người nộp tiền ký

Nhân viên giao dịch ký

Biểu số 2.18

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Quyển số:

PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Số: **1115**

Nợ: TK642: 1.576.683

Nợ: TK 133: 157.668

Có: TK111: 1.734.351

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Thanh.

Địa chỉ: Công ty VNPT.

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại.

Số tiền: **1.734.351 VND** (Viết bằng chữ) **Một triệu bảy trăm ba mươi tư ngàn ba trăm năm mươi một đồng.**

Ngày 18 tháng 12 năm 2011

Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người nộp tiền (ký, họ tên)	Người lập phiếu (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)
--	--	--	---	---------------------------------

Biểu số 2.19

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2011**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
		Cộng dồn trang trước sang			
						
BTKH	01/12	Trích khấu hao TSCĐ tại bộ phận bán hàng	x		641 214	28.118.333	28.118.333
						
PC1115	18/12	Thanh toán tiền điện thoại tại bộ phận quản lý	x		642 133 111	1.576.683 157.668	1.734.351
						
		Tổng Cộng				912.748.368.022	912.748.368.022

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.20

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Đơn vị: Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2011
Tên TK: Chi phí bán hàng
Số hiệu: 641

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
							
01/12	BTKH	01/12	Trích khấu hao TSCĐ 12			214	28.118.333	
							
31/12	PK 081	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng			911	.	1.044.391.315.
			- Cộng SPS	x	x	x	1.044.391.315.	1.044.391.315.
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Đơn vị: Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2011****Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp.****Số hiệu: 642**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Tran g sổ	ST T dò ng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					
							
18/12	PC1 115	18/12	Thanh toán tiền điện thoại			111	1.576.683	
							
31/12	PK0 81	31/12	Kết chuyển chi phi quản lý doanh nghiệp			911		376.335.531
			- Cộng SPS	x	x	x	376.335.531	376.335.531
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 *Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.*

2.2.5.1 *Chứng từ, sổ sách và tài khoản sử dụng.*

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường
- Phiếu thu, Phiếu chi
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ ...
- TK 711 – Thu nhập khác
- TK 811 – Chi phí khác

2.2.5.2 *Quy trình hạch toán*

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ phát sinh kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào Sổ cái TK 711, TK 811

Trong năm Công ty không phát sinh các khoản chi phí khác

2.2.6 *Xác định kết quả kinh doanh.*

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

** Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán

** Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Tài khoản 421 “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối”
- Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”.

** Sổ sách sử dụng:*

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 911, 421, 821.
- Báo cáo kết quả kinh doanh.

** Phương pháp xác định kết quả kinh doanh*

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các tài khoản 511, 515, 711 và tổng số phát sinh bên Nợ của tài khoản 632, 635, 641, 642. Tổng số phát sinh bên Có các TK 511, 515, 711 được kết chuyển

vào bên Có TK 911. Tổng số phát sinh bên Nợ của các TK 632, 635, 641, 642 được kết chuyển vào bên Nợ TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định được kết quả kinh doanh như sau:

- Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có TK 911 tức là trong năm doanh nghiệp kinh doanh bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421

- Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có TK 911 tức là trong năm doanh nghiệp kinh doanh có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra số thuế phải nộp cho nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Khi xác định được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính của các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong một niên độ kế toán. Căn cứ vào chế độ kế toán tài chính hiện hành, thu nhập của Công ty được phân bổ như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%.
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ đi các khoản chi phí thực tế đã chi trong năm nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ khi tính thuế TNDN.
- Bổ sung các quỹ của công ty.

※ Doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh năm 2011 như sau:

- Kết chuyển doanh thu:

Nợ TK 511: 104.708.995.940

Nợ TK 515: 16.178.363

Có TK 911: 104.725.174.303

- Kết chuyển chi phí:

Nợ TK 911: 104.363.014.657

Có TK 632: 102.524.739.032

Có TK 635: 417.548.779

Có TK 641: 1.044.391.315

Có TK 642: 376.335.531

Kết quả kinh doanh = Σ Doanh thu - Σ Chi phí

= 104.725.174.303 – 104.363.014.657

= 362.159.646

Kết quả kinh doanh > 0 => Trong năm 2011, doanh nghiệp kinh doanh có lãi.

Thuế TNDN = 362.159.646 * 25% = 90.539.912

LN sau thuế = 362.159.646 – 90.539.912 = 271.619.734

Dựa vào các kết quả tính được kế toán lập phiếu kế toán kết chuyển doanh thu và chi phí để làm căn cứ ghi sổ

PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 081

STT	Nội dung	Số hiệu TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển DTBH	511	911	104.708.995.940
2	Kết chuyển DT HĐTC	515	911	16.178.363
3	Kết chuyển GVHB	911	632	102.524.739.032
4	Kết chuyển CP tài chính	911	635	417.548.779
5	Kết chuyển CPBH	911	641	1.044.391.315
6	Kết chuyển CP QLDN	911	642	376.335.531
7	Kết chuyển CP thuế TNDN	911	821	90.539.912
8	Kết chuyển lãi	911	421	271.619.734

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGƯỜI LẬP

Biểu số 2.22

Đơn vị: Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN

(ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG
NĂM 2011**

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
		Cộng dồn trang trước sang			
						
PK081	31/12	Kết chuyển DT bán hàng			511 911	104.708.995.940	104.708.995.940
PK081	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			515 911	16.178.363	16.178.363
PK081	31/12	k/s giá vốn hàng bán			911 632	101.524.739.032	102.524.739.032
PK081	31/12	k/c CPTC			911 635	417.548.779	417.548.779
PK081	31/12	K/c CPBH			911 641	1.044.391.315	1.044.391.315
PK081	31/12	K/c Cp QLDN			911 642	376.335.531	376.335.531
PK081	31/12	K/c thuế TNDN			911 821	90.539.912	90.539.912
PK081	31/12	K/c lãi			911 421	271.619.734	271.619.734
		Cộng SPS				912.748.368.022	912.748.368.022
		Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.23

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Đơn vị: Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ					
31/12	PK 081	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng			511		104.708.995.940
31/12	PK 081	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC			515		16.178.363
31/12	PK 081	31/12	k/c giá vốn hàng bán			632	102.524.739.032	
31/12	PK 081	31/12	k/c CPTC			635	417.548.779	
31/12	PK 081	31/12	K/c CPBH			641	1.044.391.315	
31/12	PK 081	31/12	K/c Cp QLDN			642	376.335.531	
31/12	PK 081	31/12	K/c thuế TNDN			821	90.539.912	
31/12	PK 081	31/12	K/c lãi			421	271.619.734	
			- Cộng SPS	x	x	x	104.725.174.303	104.725.174.303
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Đơn vị: Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ					396.727.718
31/12	PK 081	31/12	K/c LNST năm 2011			911		271.619.734
31/12	PK 082	31/12	Bổ sung quỹ thuộc vốn CSH			415	396.727.718	
			- Cộng SPS	x	x	x	396.727.718	271.619.734
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		271.619.734

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.25

Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương
Địa chỉ: Nam Sơn- An Dương- Đơn vị: Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Năm 2011****Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp****Số hiệu: 821**

Đơn vị tính: Đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ	Số tiền	
	SH	Ngày, tháng		Trang sổ	STT dòng		Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ					
31/03	PK 020	31/03	Tạm tính Thuế TNDN qui I			3334	25.500.000	
30/06	PK 041	30/06	Tạm tính Thuế TNDN qui II			3334	25.750.000	
30/09	PK 059	30/09	Tạm tính Thuế TNDN qui III			3334	27.250.000	
30/12	PK 075	30/12	Tạm tính Thuế TNDN qui IV			3334	16.729.000	
31/12	PK 081	31/12	K/c thuế CP TNDN phải nộp năm 2011			911		90.539.912
31/12	PK 082	31/12	Chênh lệch số thuế TNDN tạm nộp thừa			3334		4.688.088
			- Cộng SPS	x	x	x	95.229.000	95.229.000
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TM & VT HOA DƯƠNG.

3.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình.. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác bán hàng vì :

- Công tác này sẽ giúp cho khối lượng kế toán được giảm nhẹ, cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý.

- Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý.

3.2 Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh một cách trung thực, khách quan và dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cung như công tác kiểm tra.

- Số liệu kế toán phải phản ánh một cách kịp thời, chính xác. Việc phản ánh một cách kịp thời, chính xác là điều hết sức quan trọng và cần thiết đối với các cơ quan chức năng:

- Đối với cơ quan thuế - giúp cho việc tính toán thuế và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Đối với ngân hàng – giúp cho việc thu hồi vốn và lãi.

- Đối với khách hàng: thể hiện năng lực của Doanh nghiệp và tạo được uy tín đối với khách hàng

- Đối với ban lãnh đạo của doanh nghiệp: Giúp cho việc quản lý, điều hành, đưa ra phương hướng và kế hoạch cho kỳ kinh doanh tiếp theo. Phát huy thế mạnh và khắc phục điểm yếu để ngày càng hoàn thiện và phát triển hơn.

- Số liệu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và công khai. Đây là điều được đặc biệt quan tâm của cả doanh nghiệp và các bên liên quan.

- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực khả thi. Bất kỳ doanh nghiệp nào dù là doanh nghiệp tư nhân hay nhà nước đều có chung mong muốn là tiết kiệm được chi phí, thu được lợi nhuận cao và phát triển công ty ngày càng vững mạnh.

3.3 Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn, đưa công tác kế toán đi vào nề nếp. Với các doanh nghiệp, việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt hiệu quả cao trong kinh doanh. Việc hoàn thiện cần phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước quy định nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều

kiện hoạt động kinh doanh có hiệu quả do đó phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả.

3.4 Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM & VT Hoa Dương.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương là một đơn vị rất nhạy bén trong công tác bán hàng. Với những ưu điểm sẵn có, Công ty đã phát huy những thế mạnh và cố gắng khắc phục điểm yếu của mình để ngày càng hoàn thiện hơn về công tác tổ chức quản lý và bán hàng. Ngày càng chiếm lĩnh thị trường tại khu vực Hải Phòng và các tỉnh, thành lân cận: Hải Dương, Quảng Ninh,...

3.1.1 Ưu điểm.

➤ Về tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán tại công ty.

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, Công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với Công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hóa công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ kế toán viên. Do đó công việc tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh diễn ra theo một trình tự có tính thống nhất cao hơn, việc tập hợp số liệu cũng diễn ra chính xác hơn. Sau khi đã có số liệu tổng hợp do nhân viên kế toán cung cấp, kế toán trưởng sẽ tổng hợp số liệu và tính kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp.

- Các nhân viên phòng kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số liệu nhằm đảm bảo thông tin chính xác cho kết quả hoạt động cuối cùng. Từ đó ban giám đốc Công ty cũng như các đối tượng có liên quan như: ngân hàng, cơ quan

thuế, đối tác kinh doanh, nhà cung ứng... sẽ có được thông tin mang tính xác thực cao, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

➤ ***Về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty***

- Với việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung thì công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện đơn giản đồng thời vẫn đảm bảo được tính chính xác, đặc biệt với hình thức này sẽ thuận tiện cho việc áp dụng kế toán bằng máy vi tính.

Hệ thống sổ sách mà Công ty áp dụng để tập hợp ghi chép số liệu của quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hợp lý, đảm bảo tính khoa học, chính xác đồng thời đảm bảo tính đơn giản, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ có liên quan. Sổ sách kế toán được lưu giữ và bảo quản cẩn thận qua từng năm

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ bảo quản cẩn thận theo quy định

➤ ***Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- *Về tổ chức kế toán doanh thu:* Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- *Về công tác kế toán chi phí:* Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý nhằm tránh lãng phí. Vì vậy, công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu được đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời, đúng chế độ khi phát sinh.

- *Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh:* Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban lãnh đạo Công ty về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác tình hình

kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa trên chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành và tình hình thực tế của Công ty.

3.1.2 Những tồn tại của công ty.

➤ Về tổ chức công tác kế toán.

Do bộ máy kế toán quá gọn nhẹ trong khi đó khối lượng công việc lại nhiều, trong khi đó Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán nên có thể ảnh hưởng đến tính chính xác, kịp thời số liệu cho người quản lý, đôi khi còn mắc phải những sai sót trong công tác hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính.

➤ Về việc áp dụng các hình thức ưu đãi trong công tác bán hàng.

Trong quá trình tiêu thụ hàng hóa, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp là một yếu tố rất quan trọng, tạo ra sức hấp dẫn lớn, lôi cuốn một lượng lớn khách hàng. Trên thị trường, các khách hàng luôn muốn sử dụng những dịch vụ tốt nhất với nhiều ưu đãi. Chính vì vậy, việc Công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi: giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán đã làm mất đi cơ hội mở rộng thị trường của công ty, bên cạnh đó còn có thể mất đi các khách hàng thường xuyên làm giảm doanh thu dẫn đến hiệu quả kinh doanh của công ty không cao.

➤ Về việc thu hồi nợ.

Các khách hàng của công ty đa phần là các khách hàng truyền thống nhưng lại thanh toán chậm dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vốn kinh doanh bị tồn đọng làm ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Số vòng quay vốn lưu động thấp dẫn đến hiệu quả kinh doanh không cao, Công ty bị mất đi cơ hội kinh doanh.

3.5 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM & VT Hoa Dương, được sự chỉ bảo tận tình của các anh, chị phòng kế toán của Công ty, em đã có cơ hội tìm hiểu hoạt động tổ chức kinh doanh và thực trạng công tác kế toán tại Công ty. Dưới góc độ 1 sinh viên thực tập em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện

những tồn tại hạch toán tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

➤ **Kiến nghị 1: Về chính sách ưu đãi và thu hồi nợ trong tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.**

Để quản lý tốt về công nợ và tránh tình trạng bị chiếm dụng vốn, công ty nên quy định định mức công nợ đối với từng khách hàng.

Để thu hút được các khách hàng mới và giữ được các khách hàng truyền thống, công ty nên có chính sách khuyến mại giảm giá nếu khách hàng mua với số lượng lớn hàng hóa và sử dụng chiết khấu thanh toán đối với những khách hàng thanh toán sớm và trước thời hạn được phép nợ khi sử dụng hàng tại công ty. Để sử dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian, cụ thể:

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 10 đến ngày 17 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 1%.

- Nếu khách hàng thanh toán tiền từ ngày 18 đến ngày 25 của tháng sau sẽ được hưởng mức chiết khấu 0,5%.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép kế toán thông qua TK 635 -Chi phí tài chính (phản ánh khoản chi phí cty phải chịu do giảm trừ khoản phải thu do khách hàng thanh toán trước thời hạn).

Khi phát sinh các nghiệp vụ chiết khấu thanh toán, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 635: Số tiền được giảm giá,

Có TK 111, 112, 131: Số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng.

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh

Nợ TK 911: kết chuyển chiết khấu thanh toán.

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán.

Ví dụ: Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty CPTM Cổ phần thép An Huy còn nợ Công ty 300.000.000 đ. Công ty bị chiếm dụng 300.000.000 đ vốn kinh doanh. Nếu Công ty thiếu vốn phải đi vay thì Công ty phải chịu chi phí vay

vốn. Tại thời điểm cuối năm 2011, lãi suất cho vay tại ngân hàng Trung Ương là 21%/ năm.

Nếu Công ty Cổ phần thép An Huy thanh toán cho Công ty sau 1 tháng, vậy Công ty phải chịu lãi suất : $21\% / 12 \text{ tháng} = 1,75\% / 1 \text{ tháng}$. Chi phí vay vốn mà Công ty phải chịu là:

$$300.000.000 \times 1,75\% = 5.250.000 \text{ đ}$$

- Nếu Công ty CP thép An Huy thanh toán tiền hàng sau 1 tháng, vậy Công ty CP An Huy được hưởng chiết khấu 1% . Như vậy khoản chiết khấu cho khách hàng là: $300.000.000 \times 0,5\% = 1.500.000 \text{ đ}$.

Số tiền Công ty CP thép An Huy phải thanh toán cho Công ty là:

$$300.000.000 - 1.500.000 = 298.500.000 \text{ đ}$$

Nếu Công ty CP thép An Huy thanh toán tiền hàng sớm cho doanh nghiệp, doanh nghiệp phải chịu khoản chiết khấu thanh toán, tuy nhiên doanh nghiệp không phải bỏ chi phí để đi vay số vốn bị chiếm dụng đó. Như vậy chi phí giảm:

$$5.250.000 - 1.500.000 = 3.750.000 \text{ đ}$$

Tính chênh lệch giữa chi phí đi vay và khoản chiết khấu cho khách hàng hưởng thì Công ty chịu ít thiệt hại hơn nếu công ty áp dụng chiết khấu thanh toán trong công tác bán hàng.

➤ ***Kiến nghị 2: Về việc áp dụng hình thức kế toán.***

Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, phần mềm kế toán Việt Nam- KTVN, FAST, ... Công ty nên chọn phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm của công ty và đưa các kế toán đi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và cách sử dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán giúp giảm bớt công việc của kế toán, đưa ra các báo cáo chính xác và nhanh chóng nhất cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể kịp thời đưa ra những quyết định kinh doanh tạo lợi thế cho doanh nghiệp.

Là một Doanh nghiệp Thương mại, hàng ngày, Công ty phát sinh rất nhiều

nghiệp vụ bán hàng. Khối lượng công việc rất nhiều, các chứng từ kế toán phải được tập hợp lại tại phòng kế toán. Từ đó kế toán lần lượt vào các loại sổ: Sổ Nhật ký chung, sổ Cái các tài khoản và một số tài khoản liên quan. Mỗi loại sổ của mỗi tài khoản là một sổ riêng biệt. Vì vậy khi phát sinh 1 nghiệp vụ kinh tế, kế toán phải đồng thời vào nhiều sổ. Công việc đó mất nhiều thời gian và không thể tránh khỏi các sai sót. Trong khi đó, nếu áp dụng Kế toán máy, khi phát sinh 1 nghiệp vụ kinh tế. Kế toán chỉ phải nhập số liệu ban đầu cho nghiệp vụ phát sinh, sau đó phần mềm kế toán sẽ tự động cập nhật số liệu và vào các sổ liên quan đến nghiệp vụ đó.

Kế toán thủ công không thể tránh khỏi các sai sót. Giả sử nếu phát hiện sai sót tại nghiệp vụ phát sinh tại 3 tháng trước. Kế toán sẽ phải sửa chữa số liệu từ nghiệp vụ đó và số cộng lũy kế đến hiện tại. Trong khi đó, sổ sách kế toán không được gạch xóa, sửa chữa, kế toán đã phạm phải một trong những nguyên tắc quan trọng trong việc ghi sổ kế toán. Đối với phần mềm kế toán, khi phát hiện sai sót. Kế toán chỉ cần tìm lại ngày tháng và sửa số liệu cần thiết. Phần mềm kế toán sẽ tự động sửa số liệu liên quan.

Như vậy, việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán có hiệu quả hơn so với việc sử dụng kế toán thủ công trong công tác hạch toán kế toán. Phần mềm kế toán giúp giảm thiểu khối lượng công việc cho nhân viên kế toán, tiết kiệm thời gian, thuận lợi cho sửa chữa sai sót...

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ đánh giá được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, những nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương cùng những kiến thức được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò của công tác nói chung và vai trò của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Xuất phát từ thực tiễn công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty

Nội dung của đề tài khóa luận rộng và phức tạp đòi hỏi phải có những kinh nghiệm và kiến thức thực tiễn. Với trình độ bản thân có hạn, thời gian thực tập tại công ty không dài, bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy, các cô để giúp bài khóa luận của em đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến CN.TTr Dương Văn Biên đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô trong khoa Quản Trị Kinh Doanh và ban lãnh đạo cùng các cô, chú phòng kế toán tại công ty TNHH Thương mại và Vận tải Hoa Dương đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày.... Tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Thùy Dung